

HỒ SƠ MỜI THẦU

MUA SẮM HÀNG HÓA QUA MẠNG

MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu : FTEL.TOWER-TM-G05
Tên gói thầu : Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án : Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower
Phát hành ngày : 14/05/2026
Ban hành kèm theo Quyết định : 06/TM/FTEL-TOWER/QĐ-FTT

CHỦ TỊCH CÔNG TY

(Đã ký)

NGUYỄN HOÀNG LINH

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án được quy định tại E-BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động lựa chọn nhà thầu, tìm cách để có quan hệ riêng của mình để trúng thầu. 4.3. Dàn xếp thông thầu, gian lận, thay đổi, che giấu, cố ý làm sai lệch thông tin. 4.4. Có dấu hiệu làm giả hồ sơ hoặc cố ý làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác, hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký theo kết quả lựa chọn nhà thầu, gây hậu quả, thiệt hại lớn cho Chủ đầu tư. 4.6. Đưa thông tin thất thiệt gây ảnh hưởng, mất uy tín của Chủ đầu tư.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước mà nhà thầu hoạt động cấp; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Bảo đảm cạnh tranh trong hoạt động mua sắm; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự hoạt động mua sắm theo Quy Định Quản Trị của Chủ đầu tư; g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; h) Có tên trong Danh Sách Ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được

	Danh Sách Ngắn. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, e, và g Mục 5.1 E-CDNT. 5.3. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị: a) Tất cả vật tư, thiết bị được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị chính. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị. Đối với các vật tư, thiết bị khác, nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) “Xuất xứ của vật tư, thiết bị” được hiểu là được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi vật tư, thiết bị được sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu; c) Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị phù hợp với đề xuất của nhà thầu.
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật: - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Phần 3. Điều kiện hợp đồng: - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng. Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng.

	6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT, khảo sát hiện trường	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập E-HSDT cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả. 7.6. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội

	nghị tiên đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiên đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống. 7.7. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiên đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiên đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.8. Việc nhà thầu không đi khảo sát hiện trường hoặc không tham dự hội nghị tiên đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã khảo sát hiện trường hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiên đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh được theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai và tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 5 E-CDNT và tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký đơn dự thầu;

	10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Tổ Chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá); b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu; c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng; d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV. 13.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của giá dự thầu thấp khác thường đó theo quy định tại Quy Định Quản Trị. 13.3. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28

	ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. 13.4. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSDT. 15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại. 15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu. 15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm¹, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ... 15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này. 15.6. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo Mẫu số 01A, 01B, 01C Chương IV. 15.7. Nhà thầu phải kê khai hãng sản xuất của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc...) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

¹ Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...

	15.8. Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSDT mà phải đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong Mẫu số 10B Chương IV so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong Mẫu số 10B là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất kê khai tại Mẫu số 10B Chương IV không tồn tại trên thị trường. 15.9. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. 15.10. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-BDL. 15.11. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo E-BDL. 16.3. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có	17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-

hiệu lực của E-HSDT	BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên

	danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó). 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). 18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại E-BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực. 18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư: a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu; b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT,
--	---

	nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT; - Nhà thầu vi phạm nội dung quy định tại Quy Định Quản Trị; - Nhà thầu vi phạm các quy định có liên quan dẫn đến phải hủy thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo, hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Chủ đầu tư chấp nhận; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ có thông báo của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Chủ đầu tư chấp nhận. 18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.

	20.3. Rút E-HSDT: Nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, giải quyết trong thời hạn không quá 04 (bốn) giờ, kể từ thời điểm đóng thầu theo một trong hai cách sau đây: (i) Cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu nhằm tăng thêm số lượng NT nộp HSDT, HSDX. Trong trường hợp này phải quy định rõ thời điểm đóng thầu mới và các thời hạn tương ứng để NT có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT, HSDX đã nộp theo yêu cầu mới; hoặc (ii) Cho phép mở thầu ngay để tiến hành đánh giá. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

	- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện hợp đồng; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên Tổ Chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT. 23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu. 23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT

	hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT. 23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT. 24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT. 24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	25.1. Tổ Chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT. 25.3. Tổ Chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không	26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-

ng nghiêm trọng	HSMT thì Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT. 26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư. 26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. 27.2. Trường hợp có yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 01D Chương IV, Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu được sử dụng nhà thầu phụ. Việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ thực hiện theo Mẫu số 09A Chương IV. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan. 27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định. 27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu

	có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	Ưu đãi áp dụng cho nhà thầu được quy định tại E-BDL .
29. Đánh giá E-HSDT	29.1. Tổ Chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT. 29.2. Quy trình đánh giá E-HSDT như sau: a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III. đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. - Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. 29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT: a) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu của nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu

	tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung, thay thế trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Việc bổ sung, thay thế đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu được thực hiện tối đa hai lần để bảo đảm nhà thầu có nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT theo cam kết trong đơn dự thầu. Trường hợp nhà thầu không bổ sung, thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc sau khi làm rõ, bổ sung, thay thế, nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT theo cam kết trong đơn dự thầu thì nhà thầu sẽ bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai, cung cấp thông tin, tài liệu về nhân sự, thiết bị không trung thực, thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là cố ý làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu bị xử lý theo Quy Định Quản Trị. h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.
30. Đối chiếu tài liệu	30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu; b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử; c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử; d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất); đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). 30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng

¹ Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

	thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.3 E-CDNT. 30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu, thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu; 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III; 31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL; 31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.
32. Hủy thầu	32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT, hoặc các trường hợp hủy thầu khác tại Quy Định Quản Trị; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt và các trường hợp khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT; c) E-HSMT không tuân thủ Quy Định Quản Trị hoặc thực hiện trái quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Quy Định Quản Trị dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Khoản 2, Điều 68 của Quy Định Quản Trị. 32.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ Mục 33.1 E-CDNT, Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường bất

	kỳ khoản tiền nào cho nhà thầu. Nhà thầu vi phạm Quy Định Quản Trị hoặc quy định pháp luật dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
34. Thay đổi khối lượng hàng	Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay

hóa và dịch vụ	đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.
35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Phần 4 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu. 36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia

	hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	Việc giải quyết tranh chấp, kiến nghị được thực hiện theo quy định của Chủ đầu tư. Quyết định của Người có thẩm quyền là quyết định có hiệu lực cao nhất giải quyết các tranh chấp, kiến nghị phát sinh.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN Địa chỉ: Lô 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy. Tên dự án: Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower.
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
E-CDNT 5.1(c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận (Địa chỉ: Lô 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh). • Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của Chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. • Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. • Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với Chủ đầu tư. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: • Tư vấn lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế hai bước), dự toán: Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (Địa chỉ: Số 183 phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội).

	• Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục phòng cháy chữa cháy: Công ty Cổ phần A-Design Việt Nam (Địa chỉ: Số 15-D7 Ngõ 11, Đường Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội). • Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế hai bước), dự toán: Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế Xây dựng - CIDECO (Địa chỉ: 130 Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh). • Tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (Địa chỉ: 29 Bis Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh). • Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: Không có (Chủ đầu tư tự thực hiện); • Tư vấn đánh giá E-HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không có (Chủ đầu tư tự thực hiện). - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹. - Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. - Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
E-CDNT 7.6	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND.
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà thầu (hoặc của từng thành viên liên danh trong trường hợp liên danh tham dự thầu). - Nhà thầu (hoặc của từng thành viên liên danh trong trường hợp liên danh tham dự thầu) phải cung cấp báo cáo tài chính 03 năm (năm 2023, 2024, 2025) và 01 trong các tài liệu sau: + Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong 03 năm tài chính (năm 2023, 2024, 2025); + Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai quyết toán thuế trong 03 năm tài chính (năm 2023, 2024, 2025). Trong trường hợp nhà thầu kê khai thuế qua mạng, thì phải có bản sao thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ kê khai thuế qua mạng của Tổng cục Thuế; + Văn bản xác nhận của cơ quan thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong 03 năm tài chính (năm 2023, 2024, 2025); + Báo cáo kiểm toán trong 03 năm tài chính (năm 2023, 2024, 2025). <i>Lưu ý: Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.</i> - Nhà thầu phải cung cấp Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng Hạng I còn hiệu lực trong lĩnh vực Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình. Đối với Nhà thầu liên danh, chứng chỉ nêu trên áp dụng cho các thành viên liên danh đảm nhận công việc thi công lắp đặt. <i>Ghi chú: Trường hợp Nhà thầu không có chứng chỉ nêu trên hoặc chứng chỉ hết hiệu lực sau ngày 01/07/2025, Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh Nhà thầu đủ điều kiện năng lực tham gia hoạt động thi công xây dựng công trình dân dụng cấp I (lĩnh vực lắp đặt thiết bị) theo quy định tại Khoản 1 Điều 106 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP</i> - Các tài liệu chứng minh Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, Chương III) cụ thể: • Văn bản hợp đồng (hoặc thỏa thuận khung mua sắm tập trung) phải đảm bảo đầy đủ các phụ lục đính kèm theo Hợp đồng (nếu có). Văn bản hợp đồng phải thể hiện rõ giá trị hợp đồng và chi tiết giá hợp đồng. • Các tài liệu chứng minh các hợp đồng do Nhà thầu cung cấp đã
--	--

	hoàn thành toàn bộ: Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình/công trình và bàn giao đưa vào sử dụng; hoặc Biên bản thanh lý Hợp đồng (Biên bản thanh lý thỏa thuận khung mua sắm tập trung); hoặc Hồ sơ thanh toán, quyết toán và các hóa đơn tài chính hợp lệ; hoặc các tài liệu tương đương khác có xác nhận của Chủ đầu tư; Tư vấn giám sát (nếu có) về việc hoàn thành toàn bộ công việc theo Hợp đồng. - Các tài liệu chứng minh Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu về năng lực nhân sự chủ chốt được quy định chi tiết tại <i>Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt (Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, Chương III)</i>. <i>(Nếu trong E-HSDT, Nhà thầu không cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm & năng lực nhân sự chủ chốt nêu trên, thì Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT, Nhà thầu vẫn không cung cấp được hoặc không chứng minh được thì E-HSDT của Nhà thầu bị loại)</i> - Nhà thầu phải cam kết huy động đầy đủ máy móc, thiết bị theo yêu cầu của E-HSMT để đáp ứng tiến độ thi công và cung cấp đầy đủ các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực đối với thiết bị, máy móc phục vụ thi công theo quy định của pháp luật. - Các tài liệu tham chiếu: catalouge, các tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận, kết quả kiểm định chất lượng... nêu rõ các thông số kỹ thuật, đồng bộ hoặc phù hợp với thông số dự thầu do nhà sản xuất/đại diện hợp pháp của nhà sản xuất phát hành. Trường hợp nhà thầu cung cấp không đầy đủ hoặc thiếu tài liệu tham chiếu, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu bổ sung. - Các chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy đối với các vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành hoặc các tài liệu tương đương khác (nếu có). - Văn bản cam kết đáp ứng yêu cầu của gói thầu theo Mẫu số 15D, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu, trong đó cam kết đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT Bảng tuyên bố đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật theo mẫu được quy định tại <i>Mục 1.2.1. Yêu cầu chung về hàng hóa thuộc gói thầu (Mục 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật, Mục 1, Chương V)</i>. <i>Lưu ý: Các tài liệu được nộp trong E-HSDT dưới hình thức bản scan màu từ bản chính hoặc bản scan màu từ bản sao y chứng thực.</i>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.

E-CDNT 13.4	Chào giá: Theo Mẫu số 12.2 (12.2A) Chương IV.
E-CDNT 15.10	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): 10 năm.
E-CDNT 16.2	Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Có yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (sau đây gọi là Giấy phép bán hàng). Trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong E-HSDT của mình thì nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam. Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu. Trường hợp nhà thầu đã được xét duyệt trúng thầu nhưng nhà sản xuất, đại lý, nhà phân phối không cung cấp Giấy phép bán hàng mà không có lý do chính đáng và nếu nhà thầu vẫn chứng minh được khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác thì vẫn được ký hợp đồng mà không cần xuất trình Giấy phép bán hàng.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 180 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 300.541.672 VND (Bằng chữ: Ba trăm

	<i>triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng).</i> - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 210 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 20% giá dự thầu.
E-CDNT 28	Các ưu đãi (nếu có): Không có.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSĐT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.2(d)	Cách thức thực hiện: Việc so sánh, xếp hạng E-HSĐT được xác định trên cơ sở giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.
E-CDNT 29.2(d)	Xếp hạng nhà thầu: Phương pháp giá thấp nhất: - Bước 1: Xác định giá dự thầu; - Bước 2: Sửa lỗi; - Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có); - Bước 4: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có); - Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu sang một loại đồng tiền chung (nếu có); xác định giá trị ưu đãi (nếu có); - Bước 6: Mời Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đến chào lại giá dự thầu. Chủ đầu tư có thể mời Nhà thầu đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp thứ hai chào lại giá dự thầu để đảm bảo cạnh tranh; - Bước 7: E-HSĐT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng, trừ đi giá trị giảm giá (nếu

	có) thấp nhất sau Bước 6 được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất sau thương thảo đàm phán giá dự thầu được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 31.5	Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Nhà thầu lưu ý, giá gói thầu trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đang tạm tính toàn bộ theo mức VAT 10%.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%.
E-CDNT 38	Mọi thắc mắc vui lòng gửi về địa chỉ: Ban Xây dựng - Tòa nhà FPT Tân Thuận 2, Lô 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại liên hệ: 0778.831.297 (Ms. Minh Thư)

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của E-HSMT, thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.
2. Hiệu lực của E-HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định trong E-HSMT.
3. Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
4. Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
5. Trường hợp nhà thầu liên danh thì phải có Thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên ký, đóng dấu.
6. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu). Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT

của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam “VIETCOMBANK” (tỷ giá bán ra) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần	Phải thỏa mãn yêu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	gồm thuế VAT)	nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 13.660.985.100 VND⁽⁷⁾ .	cầu này			
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự⁽¹⁰⁾: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu⁽¹¹⁾: 5.010.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹²⁾	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
Dự án: *"Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower"*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		duỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.				

Ghi chú:

- (1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.
- (2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.
- (3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

- (4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
Dự án: *"Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower"*

trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

- (5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

- (6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh

thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, Chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong E-HSMT như sau:

- a) Cách 1: Là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...); **hoặc**
- b) Cách 2: E-HSMT quy định theo 2 tiêu chí:
 - (i) Tiêu chí 1: Là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...);
 - (ii) Tiêu chí 2: Là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 06 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát do E-HSMT yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hạng mục hàng hóa có nhiều mã HS khác nhau, E-HSMT quy định các mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

Ví dụ: Hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng lĩnh vực tổng quát theo yêu cầu của E-HSMT (Tiêu chí 1).

- Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (xác định theo tiêu chí 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

- Trường hợp Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, E-HSMT được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực tổng quát (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiem thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực tổng quát, mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn **Y/1,25** và/hoặc chia gói thầu thành các phần (lô) để tăng tính cạnh tranh cho gói thầu. Trong đó, **Y** thông thường khoảng 50% giá trị của gói thầu đang xét; riêng đối với trường hợp gói thầu có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì E-HSMT yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

Ví dụ: Gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của Chủ đầu tư trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là: $50\% \times 100.000.000.000/2 = 25.000.000.000$ đồng.

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- (i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **Y** (hoặc **Y/1,25** nếu

thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc

- (ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

Trong đó:

- + Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.
- + Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.
- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, hợp đồng tương tự được xác định tương ứng với khối lượng, giá trị của hàng hóa mà nhà thầu dự thầu, bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa mà nhà thầu chào (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- (iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 50% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc
- (iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS **9018.31.10** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mổ treo trần có mã HS **9405.10.20** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy thở có mã HS **9018.90.30**, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS **9405.40.91**, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng (> 50% giá

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
 Dự án: *"Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower"*

trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.

- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng $50\% \times 1,64$ tỷ đồng.
- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:
 - + Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng ($1,5 \times 50$ máy $\times 30 / 180$ ngày) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;
 - + Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là $\geq 50\% \times 400$ triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là $\geq 50\% \times 100$ triệu đồng).
- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm

thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

- + Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng (50% x (10 tỷ đồng + 12 tỷ đồng)) hoặc
- + Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng (50% x 10 tỷ đồng) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [50% x 12 tỷ đồng)].”.

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

- Ví dụ 5: Gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần (ví dụ chia thành 03 phần) như sau:

STT	Tên phần (lô)	Phạm vi cung cấp	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Lô số 01	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Lô số 02	Hàng hóa B	9025	20.000.000.000
3	Lô số 03	Hàng hóa C	9025	30.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu tham dự thầu đối với cả 03 phần của gói thầu mua sắm hàng hóa nêu trên có 01 hợp đồng cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị đã thực hiện là Z được đánh giá như sau:

- + Trường hợp 1: Nếu $Z < 5.000.000.000$ VND thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.
- + Trường hợp 2: Nếu $5.000.000.000 \leq Z < 10.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01.
- + Trường hợp 3: Nếu $10.000.000.000 \leq Z < 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01 và Lô số 02.
- + Trường hợp 4: Nếu $Z \geq 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần.

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
Dự án: *“Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”*

cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.”.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần	Phải thỏa mãn yêu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	gồm thuế VAT)	nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 13.660.985.100 VND⁽⁷⁾ .	cầu này			
4	Năng lực sản xuất hàng hoá⁽¹⁰⁾	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: 02 thang máy/01 tháng hoặc tối thiểu 22 thang máy/01 năm. Hoặc: - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: 02 thang máy hoặc Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu tối thiểu 22 thang máy.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo	Phải thỏa mãn yêu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
Dự án: *"Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower"*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	duỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹²⁾	duỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo duỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo duỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.	cầu này			thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

- (1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.
- (2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.
- (3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

- (4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật

thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

- (5) Khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.
- (6) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

- (7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại

khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Căn cứ xác định nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam là Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được nhà thầu sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu.

- (8) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong

trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(9) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, Chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(10) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$; hoặc

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 365 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$.

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số $k = 1,5$ thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 30/20) = 27.000$ hộp sữa hoặc công suất thiết kế tối thiểu trong 01 năm/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 năm của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 365/20) = 328.500$ hộp sữa.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng hoặc 01 năm; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu). Trong trường hợp này, Chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- (11) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM

(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)	Khả năng bảo hành, bảo trì
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01, Bảng số 02 Chương này.

Ghi chú:

- (*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó. Trường hợp gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, yêu cầu về doanh thu của từng phần được xác định theo công thức quy định tại ghi chú số (7) Bảng số 01, ghi chú số (9) Bảng số 02 Chương này (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức).
- (**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp gói thầu mua sắm tập trung áp

dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, yêu cầu về quy mô hợp đồng tương tự đối với từng phần được xác định theo ghi chú số (11) Bảng số 01, ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ, NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS ⁽¹⁾	Chủng loại, lĩnh vực ⁽²⁾	Giá trị được coi là tương tự (VND) ⁽³⁾	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu ⁽⁴⁾

Ghi chú:

(1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.

(3) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.

(4) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai, cung cấp thông tin, tài liệu về nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là cố ý làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu và bị xử lý theo Quy Định Quản Trị.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được quy định tại Bảng số 03 dưới đây. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh và thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Chỉ huy trưởng công trình	01	- Tối thiểu 05 năm; hoặc - Tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật. - Có chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Hạng I (còn hiệu lực). Hoặc đáp ứng điều kiện hành nghề chỉ huy trưởng công trường Hạng I (lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình) theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. - Nhà thầu có văn bản cam kết nhân sự có mặt liên tục tại công trình trong thời gian thi công gói thầu này. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự của nhân sự Chỉ huy trưởng công trình sẽ được đánh giá dựa trên nội dung mà Nhà thầu kê khai trong E-HSDT (Mẫu số 06C) đáp ứng số năm tối thiểu mà nhân sự đó thực hiện các công việc tương tự được quy định tại cột Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Bảng 02. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt). Trường hợp Nhà thầu chứng minh Kinh nghiệm trong các công việc tương tự của nhân sự Chỉ huy trưởng công trình bằng các hợp đồng trong các công việc tương tự tương ứng với số lượng yêu cầu của E-HSMT được quy định tại cột Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Bảng 02. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt), Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT các tài liệu chứng minh sau:

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				+ Văn bản hợp đồng với đầy đủ các phụ lục hợp đồng. Hợp đồng do Nhà thầu cung cấp phải chứng minh được nhân sự Nhà thầu đề xuất đã từng đảm nhận vai trò Chỉ huy trưởng công trình cho ít nhất 01 công trình thi công lắp đặt hệ thống thang máy. + Các tài liệu xác nhận đã tham gia thi công trong vai trò Chỉ huy trưởng công trình: Quyết định bổ nhiệm Chỉ huy trưởng công trình và các biên bản nghiệm thu (có tên và ký tên); Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình đưa vào sử dụng hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình/giai đoạn công trình... Nếu trong các Biên bản nghiệm thu không thể hiện nhân sự này đã đảm nhận vai trò Chỉ huy trưởng công trình, Nhà thầu cần phải cung cấp các tài liệu khác có xác nhận của Chủ đầu tư: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc Hồ sơ, Bản vẽ hoàn công có tên và chữ ký của nhân sự Chỉ huy trưởng công trình và các bên tham gia như Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát... Lưu ý: Các tài liệu phải được đính kèm E-HSDT dưới hình thức bản scan màu từ bản chính hoặc bản scan màu từ bản sao y chứng thực.
2	Cán bộ kỹ thuật phụ trách triển khai lắp đặt	02	- Tối thiểu 05 năm; hoặc - Tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật. - Có chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự của các nhân sự Cán bộ kỹ thuật phụ trách triển khai lắp đặt sẽ được đánh giá dựa trên nội dung mà Nhà thầu kê khai trong E-HSDT (<i>Mẫu số 06C</i>) đáp ứng số năm tối thiểu mà nhân sự đó thực hiện các công việc tương tự được quy định tại cột Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Bảng 02. Yêu cầu về nhân sự chủ

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				chốt, Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt). Trường hợp Nhà thầu chứng minh Kinh nghiệm trong các công việc tương tự của các nhân sự Cán bộ kỹ thuật phụ trách triển khai lắp đặt bằng các hợp đồng trong các công việc tương tự tương ứng với số lượng yêu cầu của E-HSMT được quy định tại cột Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Bảng 02. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt), Nhà thầu phải đính kèm E-HSMT các tài liệu chứng minh sau: + Văn bản hợp đồng với đầy đủ các phụ lục hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Hợp đồng do Nhà thầu cung cấp phải chứng minh được các nhân sự Nhà thầu đề xuất đã từng đảm nhận vai trò Cán bộ kỹ thuật phụ trách triển khai lắp đặt cho ít nhất 01 công trình thi công lắp đặt hệ thống thang máy. + Các tài liệu xác nhận đã tham gia thi công trong vai trò Cán bộ kỹ thuật phụ trách triển khai lắp đặt: Quyết định thành lập Ban chỉ huy công trường/ hoặc Quyết định bổ nhiệm cán bộ/ hoặc Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư/ hoặc các tài liệu tương đương khác thể hiện nhân sự Nhà thầu đề xuất đã tham gia thi công trong vai trò Cán bộ kỹ thuật phụ trách triển khai lắp đặt, trong đó có tên của nhân sự, có tên và chữ ký của các bên tham gia như Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát... Lưu ý: Các tài liệu phải được đính kèm E-HSMT dưới hình thức bản scan màu từ bản chính hoặc bản scan màu từ bản sao y chứng thực.
3	Cán bộ kỹ thuật phụ	01	- Tối thiểu 05 năm; hoặc	- Có Bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật. - Có chứng nhận huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động thuộc nhóm đối tượng

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾
	trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ tại công trường		- Tối thiểu 01 hợp đồng.	là nhóm 2 (còn hiệu lực tối thiểu đến ngày có thời điểm đóng thầu. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự của các nhân sự Cán bộ kỹ thuật phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ tại công trường sẽ được đánh giá dựa trên nội dung mà Nhà thầu kê khai trong E-HSDT (Mẫu số 06C) đáp ứng số năm tối thiểu mà nhân sự đó thực hiện các công việc tương tự được quy định tại cột Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Bảng 02. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt). Trường hợp Nhà thầu chứng minh Kinh nghiệm trong các công việc tương tự của các nhân sự Cán bộ kỹ thuật phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ tại công trường bằng các hợp đồng trong các công việc tương tự tương ứng với số lượng yêu cầu của E-HSMT được quy định tại cột Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Bảng 02. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt), Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT các tài liệu chứng minh sau: + Văn bản hợp đồng với đầy đủ các phụ lục hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Hợp đồng do Nhà thầu cung cấp phải chứng minh được các nhân sự Nhà thầu đề xuất đã từng đảm nhận vai trò Cán bộ kỹ thuật phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho ít nhất 01 công trình thi công lắp đặt hệ thống thang máy. + Các tài liệu xác nhận đã tham gia thi công trong vai trò Cán bộ kỹ thuật phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ: Quyết định thành lập Ban chỉ huy công trường/ hoặc Quyết định bổ

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				nhiệm cán bộ/ hoặc Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư/ hoặc các tài liệu tương đương khác thể hiện nhân sự Nhà thầu đề xuất đã tham gia thi công trong vai trò Cán bộ kỹ thuật phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, trong đó có tên của nhân sự, có tên và chữ ký của các bên tham gia như Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát... <i>Lưu ý: Các tài liệu phải được đính kèm E-HSDT dưới hình thức bản scan màu từ bản chính hoặc bản scan màu từ bản sao y chứng thực.</i>

Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.
- (2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp **Đạt/Không đạt** để đánh giá về kỹ thuật.

Bảng đánh giá yêu cầu kỹ thuật		
STT	Nội dung	Yêu cầu
A	Đặc tính, thông số của hàng hóa	Đạt: Đáp ứng các yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa nêu tại Phụ lục 01. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm cung cấp cho gói thầu. Không đạt: Không đáp ứng 01 trong các Chỉ tiêu kỹ thuật/Nội dung yêu cầu.
B	Yêu cầu giải pháp tổ chức, biện pháp thi công	Đạt: Có thuyết minh, trình bày biện pháp thi công: + Đầy đủ, chi tiết các bước tiến hành. + Hợp lý, khả thi, đảm bảo quy trình, quy phạm và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: Thuộc 01 trong các trường hợp sau: + Không đề xuất biện pháp thi công. + Biện pháp thi công không thể hiện chi tiết các bước tiến hành, không đầy đủ. + Biện pháp không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công, điều kiện và hiện trạng công trình.
C	Yêu cầu kiểm tra chạy thử, kiểm định kỹ thuật an toàn, nghiệm thu, hướng dẫn vận hành hệ thống thang máy	Đạt: Có thuyết minh, trình bày đầy đủ, hợp lý, khả thi. Không đạt: Thuộc 01 trong các trường hợp sau: + Không thuyết minh, trình bày. + Nội dung trình bày không đầy đủ hoặc không phù hợp với giải pháp, biện pháp thi công, tiến độ thi công, điều kiện và hiện trạng công trình.
D	Biện pháp đảm bảo chất lượng	Đạt: Có thuyết minh trình bày các biện pháp đảm bảo chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp, biện pháp thi công đã đề xuất gồm:

Bảng đánh giá yêu cầu kỹ thuật		
STT	Nội dung	Yêu cầu
		+ Đảm bảo chất lượng các công tác trong quá trình thi công. + Đảm bảo chất lượng hàng hóa, vật tư, thiết bị đầu vào. + Đảm bảo An toàn lao động - Phòng chống cháy nổ - Vệ sinh môi trường. Không đạt: Thuộc 01 trong các trường hợp sau: + Không thuyết minh, trình bày. + Biện pháp đảm bảo chất lượng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, chưa phù hợp với giải pháp, biện pháp thi công đã đề xuất.
E	Yêu cầu tiến độ	Đạt: Có cung cấp bảng tiến độ chi tiết đáp ứng: + Tổng tiến độ phù hợp với tiến độ yêu cầu của E-HSMT. + Phải thể hiện rõ: • Tiến độ đặt hàng, sản xuất, vận chuyển, thông quan, tập kết tại công trình; • Tiến độ thi công các hệ thống thang máy; • Thời gian kiểm tra, chạy thử, hiệu chỉnh, kiểm định; • Mốc bàn giao, nghiệm thu và thời gian hướng dẫn vận hành. Không đạt: Thuộc 01 trong các trường hợp sau: + Không cung cấp. + Có cung cấp nhưng không đầy đủ hoặc không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.
F	Yêu cầu bảo hành, bảo trì	Đạt: Thuyết minh, trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì trong thời gian bảo hành là ≥ 24 tháng: + Thuyết minh chi tiết về dịch vụ bảo hành

Bảng đánh giá yêu cầu kỹ thuật		
STT	Nội dung	Yêu cầu
		của nhà thầu đối với hệ thống thang máy cung cấp cho dự án và trình bày về chế độ bảo trì trong thời gian bảo hành (Chế độ bảo trì phải đảm bảo tối thiểu 03 tháng/lần). + Nhà thầu phải cung cấp trong E-HSDT: Địa chỉ liên hệ, số điện thoại Hotline, địa chỉ E-mail cụ thể để Chủ đầu tư, Đơn vị vận hành của Chủ đầu tư liên hệ thông báo các sự cố, lỗi kỹ thuật hoặc hư hỏng. + Phải đề xuất rõ các thời hạn sau trong E-HSDT: • Thời hạn phản hồi/tra lời cho Chủ đầu tư về việc cử cán bộ có trách nhiệm đến khảo sát, đánh giá sự cố, lỗi kỹ thuật... từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư qua các kênh: Hotline/E-mail. <i>Lưu ý, thời hạn do Nhà thầu đề xuất không được vượt quá 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.</i> • Thời hạn phải hoàn thành khắc phục sự cố, lỗi kỹ thuật... tại công trình. <i>Lưu ý, thời hạn do Nhà thầu đề xuất không được vượt quá 08 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.</i> • Thời hạn thay thế vật tư, phụ tùng, linh kiện tại công trình. <i>Lưu ý, thời hạn do Nhà thầu đề xuất không được vượt quá 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.</i> Không đạt: Thuộc 01 trong các trường hợp sau: + Không thuyết minh, trình bày + Thuyết minh, trình bày không đảm bảo thời gian bảo hành ≥ 24 tháng, không đầy đủ, không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.

E-HSDT được đánh giá “**ĐẠT**” về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật tại Mục **A, B, C, D, E, F** được quy định tại bảng và được chuyển sang xem xét, đánh giá về tài chính.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Sử dụng **phương pháp giá thấp nhất** để đánh giá chi tiết về tài chính.

- **Bước 1.** Xác định giá dự thầu;
- **Bước 2.** Sửa lỗi;
- **Bước 3.** Hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- **Bước 4.** Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- **Bước 5.** Chuyển đổi giá dự thầu sang một loại đồng tiền chung (nếu có), xác định giá trị ưu đãi (nếu có);
- **Bước 6.** Mời Nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất đến chào lại giá dự thầu. Chủ đầu tư có thể mời Nhà thầu đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật có giá chào thấp thứ hai chào lại giá dự thầu để đảm bảo cạnh tranh;
- **Bước 7.** E-HSDT có giá dự thầu thấp nhất sau Bước 6 được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): Không áp dụng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa	Scan và đính kèm	X	
4	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
6	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
7	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với trường hợp nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
8	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
9	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
10	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
11	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
12	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Scan và đính kèm		X
13	Mẫu số 05B. Kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
14	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
15	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
16	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
17	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
18	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
19	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
20	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
21	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
22	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
23	Mẫu số 11.1 Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)			X
24	Mẫu số 11.2 Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.2 Chương này)			X
25	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
26	Mẫu số 12.1B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)			X
27	Mẫu số 12.1C. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)			X
28	Mẫu số 12.2A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
29	Mẫu số 12.2B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)			X
30	Mẫu số 12.2C. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)			X
31	Mẫu số 13A. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)			X
32	Mẫu số 13B. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng cho loại hợp đồng hỗn hợp)			X
33	Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)			X
34	Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)			X

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
35	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X
36	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
37	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X
38	Mẫu số 15D. Bảng cam kết của nhà thầu.			X

Mẫu số 01A (Scan đính kèm)

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất
							<i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	<i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
1	Thang máy tải khách loại có phòng máy Mã hiệu: PL1; PL2; PL3; PL4	Bộ	4,00	- Nhà thầu lưu ý: Hệ thống kiểm soát điểm đến áp dụng cho cụm 04 thang tải khách. Bảng điều khiển điểm đến chỉ bố trí tại tầng hầm và trệt của sảnh chờ 04 thang khách. Các tầng còn lại sử dụng bảng điều khiển gọi tầng.		FPT Telecom Tower (Địa chỉ: tại Lô Vb.21b-23-25, Đường 22A, Khu công	150 ngày liên tục kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (để tránh nhầm lẫn, thời gian này bao gồm cả thứ Bảy, Chủ nhật	180 ngày liên tục kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (để tránh nhầm lẫn, thời gian này bao gồm cả thứ Bảy, Chủ nhật
2	Thang máy tải khách & PCCC loại có phòng máy Mã hiệu: FL1	Bộ	1,00					

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
Dự án: *"Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower"*

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
3	Thang máy tải khách & PCCC loại có phòng máy Mã hiệu: FL2	Bộ	1,00	- Đáp ứng các yêu cầu được nêu tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. - Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT, các tài liệu đính kèm E-HSMT: Hồ sơ thiết kế, Chỉ dẫn kỹ thuật...		ngành thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh).	và các ngày nghỉ hàng tuần khác, nhưng không bao gồm các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định pháp luật Việt Nam)	và các ngày nghỉ hàng tuần khác, nhưng không bao gồm các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định pháp luật Việt Nam)
4	Thang máy tải khách & PCCC loại có phòng máy Mã hiệu: FL3	Bộ	1,00					

Ghi chú:

- (1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.
- (2) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V.

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN⁽¹⁾

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ ⁽²⁾
1	Thi công, lắp đặt các hệ thống thang máy do nhà thầu cung cấp.	7,00	thang	FPT Telecom Tower (Địa chỉ: tại Lô Vb.21b-23-25, Đường 22A, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh).	180 ngày liên tục kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (để tránh nhầm lẫn, thời gian này bao gồm cả thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ hàng tuần khác, nhưng không bao gồm các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định pháp luật Việt Nam)
2	Các dịch vụ khác: vận chuyển, giám định hàng hóa; kiểm tra hiệu chỉnh; chạy thử (thử tải); đào tạo, hướng dẫn vận hành; kiểm định kỹ thuật an toàn... để đưa toàn bộ các hệ thống thang máy vào vận hành, đảm bảo các hệ thống thang máy hoạt động ổn định, an toàn, tin cậy và được chấp nhận nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.	7,00	thang		

Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này trên Hệ thống.
- (2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____ *[ghi tên gói thầu]*

Kính gửi: ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên Nhà thầu]*, Mã số thuế: ____ *[Nhà thầu điền thông tin]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* số E-TBMT: ____ *[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ (VND) *[Nhà thầu điền thông tin]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____% *[ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ (VND) *[Nhà thầu tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Bảo đảm dự thầu*: ____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*.

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾.

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng⁽⁵⁾.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.
- (2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.
- (3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.
- (4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.
- (5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:
 - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
 - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____ *[ghi tên gói thầu]*

Dự án: ____ *[ghi tên dự án]*

Kính gửi: ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ *[Đối với nhà thầu là cá nhân, Nhà thầu điền thông tin tên cá nhân và mã số thuế của cá nhân; đối với trường hợp nhà thầu là nhóm cá nhân, Nhà thầu điền thông tin tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 02C]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* số E-TBMT: ____ *[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ *[Nhà thầu điền thông tin]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ *[ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ *[Nhà thầu tự tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Bảo đảm dự thầu*: ____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*.

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu⁽³⁾.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾.

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng⁽⁵⁾.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của cá nhân nhà thầu (hoặc thành viên được nhóm cá nhân phân công theo văn bản thỏa thuận) khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.
- (3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.
- (4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.
- (5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:
 - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
 - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ

khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

VĂN BẢN THỎA THUẬN

(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Căn cứ E-HSMT của gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu] với số E-TBMT: ____ [ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]

Chúng tôi gồm có:

Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Thành viên thứ hai:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

.....

Thành viên thứ n:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] như sau:

Phân công ____ [ghi tên cá nhân] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phân việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số cá nhân để nộp E-HSDT cho cả nhóm.
- [- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả nhóm;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhóm cá nhân không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ____

Gói thầu: ____ *[ghi tên gói thầu]*Thuộc dự án: ____ *[ghi tên dự án]*Căn cứ E-HSMT gói thầu: ____ *[ghi tên gói thầu]* với số E-TBMT: ____ *[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ *[ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[ghi tên dự án]*.2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ *[ghi rõ hình thức xử lý khác]*.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: "Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower"

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
...	...	...	...
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, Nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT.
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu.
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu.
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, kể cả trong trường hợp bất khả kháng.
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.
6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.
- (2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).
- (4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh ____ *[ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, Nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT.
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu.
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu.
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, kể cả trong trường hợp bất khả kháng.
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.
6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.
- (2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:
 - Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;
 - Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;
 - Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.
 - Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm

dự thầu.

- (3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.
- (4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).
- (5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND	
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Chung loại, lĩnh vực hàng hóa	<i>[ghi thông tin chung loại, lĩnh vực nếu có]</i>		
3. Mã HS	<i>[ghi thông tin về mã HS nếu có]</i>		
4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
5. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
6. Các đặc tính khác	<i>[ghi các thông tin khác (nếu có)]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.
- (3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): ____ *[Điền số lượng nhà máy]*

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	<i>[Ghi tên nhà máy]</i>
Địa chỉ:	<i>[Ghi địa chỉ nhà máy]</i>
Tổng mức đầu tư:	<i>[Ghi tổng mức đầu tư]</i>
Công suất thiết kế:	<i>[Ghi công suất thiết kế]</i>
Công suất thực hiện:	<i>[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]</i>
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng]</i>
Tiêu chuẩn sản xuất:	<i>[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]</i>
Số lao động đang làm việc:	<i>[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]</i>

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu ghi họ và tên nhân sự chủ chốt]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
STT	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/ Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Ghi chú:

- (1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Mẫu số 07 (scan đính kèm)

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY
KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: ____	

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (scan đính kèm)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾
(Chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (scan đính kèm)

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN
CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.
- (2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.
- (3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.
- (4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
					Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) nhà thầu tự điền.

Cột (8): Nhà thầu điền.

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
 Dự án: *"Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower"*

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hàng hóa thứ 1									
2	Hàng hóa thứ 2									
...										
n	Hàng hóa thứ n									

Ghi chú:

- Cột (1), (2), (9), (10): Nhà thầu tự điền. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: Nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “Theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “Theo E-HSDT”; xuất xứ: “Theo đề xuất kỹ thuật” ... thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “Không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “Không có” thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

- Cột (11): Nhà thầu tự điền (nếu có). Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê.

- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C).

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)

I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$(M) + (I)$

II. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
3	Chi phí dự phòng	$(C) = a\% \times ((M) + (I))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$(M1) + (I) + (C)$

III. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói	$(G1) = (M1) + (I1)$
1.1	Giá hàng hóa	$(M1)$
1.2	Dịch vụ liên quan	$(I1)$
II	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá	$(G2) = (M2) + (I2) + (C)$
2.1	Giá hàng hóa	$(M2)$
2.2	Dịch vụ liên quan	$(I2)$
2.3	Chi phí dự phòng	$(C) = a\% \times ((M2) + (I2))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$(G1) + (G2)$

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.2 Chương này)

I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(M1)$
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(M2)$
3	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$(M1) + (M2) + (I)$

II. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(M1)$
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(M2)$
3	Dịch vụ liên quan	(I)
4	Chi phí dự phòng	$(C) = a\% \times ((M1) + (M2) + (I))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$(M1) + (M2) + (I) + (C)$

III. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói	$(G1) = (M1) + (M2) + (II)$
1.1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(M1)$
1.2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(M2)$
1.3	Dịch vụ liên quan	(II)
II	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá	$(G2) = (X1) + (X2) + (I2) + (C)$
2.1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(X1)$

STT	Nội dung	Giá dự thầu
2.2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(X2)$
2.3	Dịch vụ liên quan	$(I2)$
2.4	Chi phí dự phòng	$(C) = a\% \times ((X1) + (X2) + (I2))$
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	$(G1) + (G2)$

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Hàng hoá thứ 1											M1
	...											
n	Hàng hoá thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Nhà thầu điền.

Cột (13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Hàng hoá thứ 1											M1
	...											
n	Hàng hoá thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Nhà thầu điền.

Cột (13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Hàng hoá thứ 1											
	...											
n	Hàng hoá thứ n											
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M1)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Nhà thầu điền.

Cột (13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

II. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Hàng hoá thứ 1											M1
	...											
n	Hàng hoá thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Nhà thầu điền.

Cột (13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (10)x(12)	(14)	(15)= (13)+(14)	(16)	(17)= (15)+(16)
Tổng														(M*)		(M1)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (14), (16): Nhà thầu tự điền.

Cột (13), (15), (17): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
 Dự án: *“Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”*

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)	(15)= (10)x(14)	(16)	(17)= (15)+(16)	(18)= (10)x(13)	(19)	(20)= (17)+(18) +(19)
Tổng																(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (16), (19): Nhà thầu tự điền.

Cột (14), (15), (17), (18), (20): Nhà thầu tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (10)x(12)	(14)	(15)= (13)+(14)	(16)	(17)= (15)+(16)
Tổng														(M*)		(M1)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (14), (16): Nhà thầu tự điền.

Cột (13), (15), (17): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
 Dự án: *“Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”*

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)	(15)= (10)x(14)	(16)	(17)= (15)+(16)	(18)= (10)x(13)	(19)	(20)= (17)+(18) +(19)
Tổng																(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (16), (19): Nhà thầu tự điền.

Cột (14), (15), (17), (18), (20): Nhà thầu tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Hạng mục dụng loại hợp đồng trọn gói

I.1. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (10)x(12)	(14)	(15)= (13)+(14)	(16)	(17)= (15)+(16)
Tổng														(M*)		(M1)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (14), (16): Nhà thầu tự điền.

Cột (13), (15), (17): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: *Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy*
 Dự án: *"Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower"*

I.2. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)	(15)= (10)x(14)	(16)	(17)= (15)+(16)	(18)= (10)x(13)	(19)	(20)= (17)+(18) +(19)
Tổng																(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (16), (19): Nhà thầu tự điền.

Cột (14), (15), (17), (18), (20): Nhà thầu tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

II. Hạng mục dụng loại hợp đồng theo đơn giá

II.1. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (10)x(12)	(14)	(15)= (13)+(14)	(16)	(17)= (15)+(16)
Tổng														(M*)		(M1)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (14), (16): Nhà thầu điền.

Cột (13), (15), (17): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (X*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II.2. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)	(15)= (10)x(14)	(16)	(17)= (15)+(16)	(18)= (10)x(13)	(19)	(20)= (17)+(18) +(19)
Tổng																(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (16), (19): Nhà thầu tự điền.

Cột (14), (15), (17), (18), (20): Nhà thầu tự tính; Thành tiền (X*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN
(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3X7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Ghi chú:

Cột (1) đến (6): Nhà thầu tự điền.

Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8): Nhà thầu tự tính.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Dịch vụ liên quan theo loại hợp đồng trọn gói:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3X7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I1)

Ghi chú:

Cột (1) đến (6): Nhà thầu tự điền.

Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8): Nhà thầu tự tính.

II. Dịch vụ liên quan theo loại hợp đồng theo đơn giá:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3X7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Ghi chú:

Cột (1) đến (6): Nhà thầu tự điền.

Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8): Nhà thầu tự tính.

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(Áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng <i>(Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							

Ghi chú:

- Nhà thầu điền các cột từ (1) đến (8). Nhà thầu phải đề xuất và chào giá cho các vật tư, phụ tùng thay thế theo hướng dẫn tại Mục 15.10 E-CDNT và Mục 4 Chương III. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) Nhà thầu tự điền.
- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E- HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng <i>(Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							

Ghi chú:

- Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền.
- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên		Hàng hóa của cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực	Hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP mà sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 06 năm gần đây	Kê khai chi phí trong nước	
			Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%	Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước trên 50%			Theo Mẫu 15B	Theo Mẫu 15C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1		☐	☐	☐	☐	☐	☐
2	Hàng hoá thứ 2		☐	☐	☐	☐	☐	☐
...	...							
n	Hàng hoá thứ n		☐	☐	☐	☐	☐	☐

Ghi chú:

Cột (1), (2): Nhà thầu tự điền thông tin trích xuất từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.

Cột (3), (4), (5), (6): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa. (Trường hợp nhà thầu tích chọn vào cột (3) hoặc (4) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn cột (5), (6), (7), (8)).

Cột (7), (8): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu số 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc Mẫu số 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(Trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^*=(I)-(II)-(III)$	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó $G=(I)-(II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hoá thứ 1					
2	Hàng hoá thứ 2					
...	...					
n	Hàng hoá thứ n					

Ghi chú:

Cột (1): Nhà thầu tự điền các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (7) của Mẫu số 15A.

Cột (2): Nhà thầu tự điền đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Cột (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.

Cột (5), (6): Nhà thầu tự tính.

Mẫu số 15C (scan đính kèm)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(Trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Nhà thầu là nhà thương mại		Nhà thầu là nhà sản xuất	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
						Nhà thầu là nhà thương mại	Nhà thầu là nhà sản xuất
		Giá chào của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾ (II)	Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa (G)	G*	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó $G=(I)-(II)$	$D(\%)=G^*/G$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hoá thứ 1						
2	Hàng hoá thứ 2						
...	...						
n	Hàng hoá thứ n						

Ghi chú:

(1): Nhà thầu tự điền các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (8) của Mẫu số 15A.

Trường hợp nhà thầu là nhà thương mại, Nhà thầu tự điền giá chào của hàng hóa, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước và giá trị thuế các loại

Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất, Nhà thầu tự điền giá xuất xưởng, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

CAM KẾT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Ngày: ____ [ghi ngày tháng năm ký văn bản cam kết]

Tên gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Tên dự án: ____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: ____ [ghi đầy đủ và chính xác tên của Chủ đầu tư]

Căn cứ E-HSMT gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên E-HSMT] và văn bản sửa đổi E-HSMT số ____ [ghi số văn bản sửa đổi (nếu có)];

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bao gồm: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thuyết minh thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các tài liệu khác đính kèm E-HSMT mà chúng tôi đã nhận được;

Chúng tôi, ____ [ghi tên nhà thầu], Mã số thuế: ____ [ghi mã số thuế] cam kết đáp ứng các yêu cầu của gói thầu ____ [ghi tên gói thầu], số E-TBMT ____ [ghi số E-TBMT trên Hệ thống], cụ thể như sau:

- Cung cấp hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong HSMT, Hồ sơ thiết kế, Chỉ dẫn kỹ thuật và các tài liệu đính kèm E-HSMT.
- Các thiết bị thang máy mới 100%, năm sản xuất phải đáp ứng yêu cầu của HSMT và phải đảm bảo về chất lượng, không lỗi kỹ thuật, không có bất kỳ khiếm khuyết và dấu hiệu hư hỏng, phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và hợp pháp.
- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và toàn bộ các chi phí kiểm nghiệm, thí nghiệm, nghiệm thu và phải nhận lại toàn bộ hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm khi bị phát hiện không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.
- Cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm thuộc gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT.
- Cam kết hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm do nhà thầu cung cấp đáp ứng quy định về phòng cháy chữa cháy hiện hành đồng thời đảm bảo cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng từ phục vụ công tác nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Chủ đầu tư.
- Đáp ứng tiến độ cung cấp hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm và tiến độ thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT.
- Tuân thủ các yêu cầu về hợp đồng (Điều kiện chung, Điều kiện cụ thể, Biểu mẫu hợp đồng) được quy định tại Chương VI, Chương VII và Chương VIII, Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng.
- Cam kết huy động đầy đủ máy móc, thiết bị theo yêu cầu của E-HSMT để đáp ứng tiến độ thi công và cung cấp đầy đủ các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực đối với thiết bị, máy móc phục vụ thi công theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, điều kiện về phòng cháy, chữa cháy trên công trường, tuân thủ đầy đủ các biện pháp an toàn lao động, cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn lao động, sự cố mất an toàn lao động, sự cố cháy - nổ trên công trường từ khi khởi công cho đến khi hoàn tất các công việc theo hợp đồng và nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
- Cam kết đáp ứng thời gian bảo hành, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về bảo hành, bảo trì theo yêu cầu của E-HSMT.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]⁽²⁾

Ghi chú:

- (1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký văn bản cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 20; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 20). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.
- (2) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu, nhà thầu phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong E-HSMT là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1.1.1. Về dự án:

- Tên dự án: **Tòa nhà Văn phòng FPT Telecom Tower.**
- Địa điểm thực hiện dự án:
 - + Khu đất xây dựng dự án “FPT Telecom Tower” nằm tại Lô Vb.21b-23-25, Đường 22A, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh có diện tích 9.000m²;
 - + Khu đất nằm trong Khu chế xuất Tân Thuận và thuộc sự quản lý của “HEPZA” là Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, có trụ sở tại địa chỉ số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Các mặt tiếp giáp:
 - Phía Đông Bắc: Công ty Thuận Hải và Công ty May Mắn;
 - Phía Tây Nam: Đường số 22A;
 - Phía Đông Nam: Công ty CMC;
 - Phía Tây Bắc: Công ty Thực phẩm Ngon Cổ Điển.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận.
- Địa chỉ của Chủ đầu tư: Lô 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguồn vốn: Vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
- Loại, nhóm và cấp công trình:
 - + Loại công trình: Công trình sử dụng cho mục đích dân dụng (công trình dân dụng);
 - + Nhóm dự án: Dự án nhóm B (Công trình dân dụng có Tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đến dưới 800 tỷ đồng, theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14);
 - + Cấp công trình: Công trình cấp I (công trình nhà, kết cấu dạng nhà, tổng diện tích sàn > 30.000 m² sàn theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD).
- Mục tiêu đầu tư xây dựng:
 - + Đáp ứng nhu cầu chỗ ngồi làm việc cho nhân viên công ty trong giai đoạn hiện nay;

- + Đón đầu xu hướng phát triển nhân sự phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng trong 03 - 05 năm tới;
- + Mang lại hiệu quả đầu tư cao, đóng góp vào sự phát triển toàn diện của công ty.
- Quy mô công trình Tòa nhà Văn phòng FPT Telecom Tower: Tổng mặt bằng lô đất gồm Tòa nhà văn phòng làm việc FPT Telecom Tower có quy mô 11 tầng nổi + 01 tầng hầm và một số hạng mục phụ trợ kỹ thuật chính cho tòa nhà (các nhà bảo vệ; trạm máy phát điện; nhà chứa rác thải...), cụ thể như sau:
- + Bảng chỉ tiêu cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch:

CHỈ TIÊU CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Mật độ (%)
1	Diện tích khu đất	9.000,0	100,00
2	Diện tích xây dựng các công trình (tính mật độ xây dựng)	3.440,3	38,23
3	Diện tích đất cây xanh	2.208,0	24,53
4	Diện tích giao thông, bãi đỗ xe	3.351,7	37,24
CHI TIÊU QUY HOẠCH			
STT	Nội dung	Đơn vị	Thông số
1	Diện tích khu đất	m ²	9.000,00
2	Diện tích đất xây dựng (tính mật độ xây dựng)	m ²	3.440,30
3	Mật độ xây dựng	%	38,23
4	Mật độ cây xanh	%	24,53
5	Số tầng cao	tầng	11 + kỹ thuật mái
6	Số tầng hầm	tầng	01
7	Tổng diện tích sàn xây dựng (gồm tầng hầm)	m ²	35.521,70
8	Diện tích sàn tầng hầm	m ²	7.053,60
9	Chiều cao công trình	mét	54,40
10	Hệ số sử dụng đất	lần	3,95

- + Tòa nhà văn phòng làm việc với 01 tầng hầm, 11 tầng nổi + kỹ thuật mái và chiều cao từ cốt +0,000 đến cao độ đỉnh mái là +54,400 mét (cốt +0,000 cao hơn cốt sân là 0,75 mét) được bố trí công năng cụ thể như sau:

- Tầng hầm 1: Diện tích sàn xây dựng khoảng 7.053,6 m², chiều cao 5,25-6,0 m; bố trí sảnh thang, các phòng kỹ thuật tòa nhà, bể nước sinh hoạt và khu vực để xe máy và ô tô.
 - Tầng 1: Diện tích sàn xây dựng khoảng 3.146,3 m², chiều cao 6,0 m; bố trí sảnh chính thông 02 tầng 2, phòng họp đa chức năng thông 02 tầng, các phòng họp nhỏ và các phòng kỹ thuật tòa nhà.
 - Tầng 2: Diện tích xây dựng khoảng 1.994,5 m², chiều cao 4,2 m; bố trí các phòng họp nhỏ và không gian làm việc mở.
 - Tầng 3: Diện tích xây dựng khoảng 3.100,8 m², chiều cao 7,8 m; bố trí khu bếp, phòng ăn VIP và phòng ăn lớn cho cán bộ nhân viên.
 - Tầng 4, 5 và 6: Diện tích xây dựng khoảng 3.100,8 m², chiều cao 3,9 m/tầng; bố trí các phòng làm việc lớn, 02 phòng họp nhỏ và phòng kho lưu trữ hồ sơ.
 - Tầng 7: Diện tích sàn khoảng 2.478,1 m², chiều cao 3,9 m; bố trí lõi cây xanh cảnh quan ngoài trời ở trung tâm và thông tầng lên đến mái, các phòng làm việc được bố trí xung quanh lõi cảnh quan.
 - Tầng 8: Diện tích sàn khoảng 2.338,4 m², chiều cao 3,9 m; bố trí các phòng làm việc xung quanh lõi cảnh quan.
 - Tầng 9: Diện tích sàn khoảng 2.198,7 m², chiều cao 4,2 m; bố trí 01 phòng hội trường lớn thông 02 tầng, 01 phòng họp lớn, 01 phòng họp nhỏ, phòng làm việc và các phòng làm việc của lãnh đạo.
 - Tầng 10: Diện tích sàn khoảng 1.832,8 m², chiều cao 4,2 m; bố trí 01 phòng họp nhỏ, 02 phòng làm việc lớn và các phòng lãnh đạo.
 - Tầng 11: Diện tích sàn khoảng 1.549,6 m², chiều cao 4,1m; bố trí tầng dịch vụ của tòa nhà gồm các khu thể thao giải trí, giải khát và vệ sinh phục vụ.
 - Kỹ thuật mái: Diện tích sàn khoảng 232,5 m²; bố trí các phòng kỹ thuật thang máy và không gian kỹ thuật điều hoà không khí.
- + Hệ thống giao thông trực đứng của tòa nhà bao gồm 03 lõi thang chính trong đó có 02 lõi thang có thang máy PCCC và 01 lõi thang dùng để chở người. Tổng cộng có 07 thang máy và 03 trục thang bộ thoát hiểm.
- + Phần ngoài nhà Tầng 1 bố trí các nhà phụ trợ kỹ thuật cho tòa nhà với tổng diện tích xây dựng khoảng 294,0m²; gồm 02 nhà bảo vệ (diện tích xây dựng 17,6 m²/nhà), trạm máy phát điện (diện tích xây dựng 190,0 m²) và Nhà chứa rác (diện tích xây dựng 68,8 m²); ngoài ra bố trí sân vườn cây xanh - cảnh quang, đường giao thông và chỗ đỗ xe ngoài nhà.
- + Hệ thống kỹ thuật chính của công trình:

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng: Nguồn điện cấp cho công trình từ nguồn trung thế 22kV Khu công nghiệp cấp đến máy biến áp (2000kVA + 1600kVA) đặt trong phòng kỹ thuật điện tầng hầm 1, đến các tủ hạ thế cấp điện đến các điểm tiêu thụ. Tòa nhà có bố trí 02 máy phát điện dự phòng 2x2000kVA (Standby) cấp điện cho các phụ tải ưu tiên.
- Hệ thống cấp nước: Nguồn nước cấp từ mạng lưới cấp nước Khu công nghiệp qua đồng hồ tổng dẫn về bể chứa nước đặt tại tầng hầm của công trình. Sử dụng hệ thống bơm tăng áp kết hợp bình tích áp lấy nước từ bể nước cấp trực tiếp đến các thiết bị vệ sinh và các khu vực sử dụng nước.
- Hệ thống thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt được bố trí độc lập. Nước thải sinh hoạt từ các thiết bị xí, tiểu được thoát bằng đường ống riêng, thoát vào trạm xử lý đặt ngoài nhà sau đó thoát vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp. Nước mưa được thu qua các phễu chảy vào ống đứng sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà.
- Các hệ thống kỹ thuật khác: hệ thống điều hòa không khí - thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống BMS, hệ thống nổi đất - chống sét,... bố trí theo yêu cầu sử dụng.

+ Phương án kết cấu:

- Phương án kết cấu móng: Quy mô công trình gồm 1 tầng hầm và cao 11 tầng, tải trọng chân cột lớn để đảm bảo tính bền vững và ổn định công trình đã lựa chọn giải pháp móng sử dụng móng cọc bê tông ly tâm ứng suất trước đường kính D500 (khối thấp tầng) và D600 (khối cao tầng); riêng phần đỡ chân vách biên tầng hầm sử dụng móng cọc khoan nhồi D600 mũi cọc tụt vào lớp cát mịn trạng thái chặt vừa; các đài móng có chiều cao 1200, 1600, 2000 mm liên kết với nhau bằng giằng móng và sàn BTCT dày 400mm. Vách tầng hầm (01 tầng hầm, chiều cao hầm 6m) là hệ tường chắn dày 400mm, thi công hệ cừ larsen chống vắn. Hệ kết cấu tầng hầm là hệ cột, dầm, sàn bê tông cốt thép đổ liền khối gồm các cấu kiện điển hình: Cột tầng hầm: 500x500mm, 700x700mm, 600x800mm; Vách lõi chiều dày: 300mm; Sàn tầng hầm: 400mm; dầm hầm 500x900mm..
- Phương án kết cấu phần thân: Hệ kết cấu khung bê tông cốt thép toàn khối với kết cấu chịu lực là hệ khung cột, vách lõi, dầm, dầm ULT, sàn BTCT đổ liền khối; trong đó, hệ dầm ULT được sử dụng cho khu vực dầm chuyển tại tầng 3, tầng 11. Cột vách được thiết kế để chịu tải trọng đứng; tải trọng ngang của công trình (gió) sẽ được truyền vào hệ vách tường, vách lõi thông qua hệ dầm sàn. Các kích thước các cấu kiện chính như sau: cột kích thước 500x500, 700x700, 600x800 mm,...; vách lõi dày 300 mm; dầm kích thước 600x1000, 300x700, 400x700 mm,...; sàn dày 150, 200 mm.

1.1.2. Về gói thầu:

- Tên gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
- Nguồn vốn: Vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2026.
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: **180 ngày** liên tục kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (thời gian này bao gồm cả thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ hàng tuần khác, nhưng không bao gồm các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định pháp luật Việt Nam).

1.1.3. Phạm vi công việc:

- Khảo sát hiện trạng, kiểm tra trực tiếp tại công trình các điều kiện về thi công lắp đặt: các giếng thang, phòng máy, hố PIT, chiều cao các tầng, các vị trí cửa tầng, móc treo, các lỗ chờ, lỗ lắp bảng bấm, bảng báo... và các tiện ích khác tại công trường phục vụ cho việc thi công, lắp đặt sau khi trúng thầu.
- Thực hiện giám định các hệ thống thang máy cung cấp cho gói thầu về tình trạng, số lượng, chất lượng, tính đồng bộ và xuất xứ trước khi đưa các hệ thống thang máy vào lắp đặt tại công trình.
- Cung cấp và thi công lắp đặt hoàn thiện các hệ thống thang máy.
- Phối hợp với các nhà thầu và các đơn vị khác có liên quan trong quá trình triển khai thi công gói thầu. Lưu ý: Tủ điện thang máy và cáp điện đấu nối từ tủ điện thang máy đến tủ điều khiển thuộc phạm vi của nhà thầu cơ điện.
- Kiểm tra, hiệu chỉnh, tiến hành chạy thử, thử tải, vệ sinh các hệ thống thang máy.
- Thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định của pháp luật.
- Nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng toàn bộ các hệ thống thang máy với Chủ đầu tư và các Bên có liên quan.
- Đào tạo và hướng dẫn vận hành.
- Bảo hành, bảo trì miễn phí ≥ 24 tháng, kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng đối với toàn bộ các hệ thống thang máy.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.2.1. Yêu cầu chung về hàng hóa thuộc gói thầu:

- Các thiết bị thang máy mới 100%, năm sản xuất phải đáp ứng yêu cầu của HSMT và phải đảm bảo về chất lượng, không lỗi kỹ thuật, không có bất kỳ khiếm khuyết và dấu hiệu hư hỏng, phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và hợp pháp. Nhà thầu phải đảm bảo tính trung thực, chính xác về các thông tin đối với hàng hóa do mình cung cấp.

Bên mời thầu sẽ khước từ tất cả các sản phẩm, hàng hóa, thiết bị do Nhà thầu cung cấp mà không có nguồn gốc rõ ràng, không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm các quy định, chính sách có liên quan do Nhà nước ban hành.

- Nhà thầu phải cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và toàn bộ các chi phí kiểm nghiệm, thí nghiệm, nghiệm thu và phải nhận lại hàng hóa khi bị phát hiện hàng hóa không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.
- Nhà thầu cung cấp **Bảng tuyên bố đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật** để chứng minh tính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa theo mẫu sau:

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT							
STT	Yêu cầu của E-HSMT			Nhà thầu chào			Ghi chú
	Chỉ tiêu kỹ thuật vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật/ Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Thông số kỹ thuật/ Nội dung	Tuyên bố đáp ứng	Tài liệu tham chiếu	
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>
I							
1							
...							
II							
1							
...							

Trong đó:

- **Cột (2), (3), (4):** Tham chiếu các nội dung yêu cầu tại *Phụ lục 01. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm cung cấp cho gói thầu* đính kèm E-HSMT.
- **Cột (5):** Nhà thầu chào/đề xuất tương ứng với nội dung được nêu tại cột (2), (3), (4).
Nhà thầu phải chỉ rõ thông số kỹ thuật, nội dung đáp ứng của vật tư thiết bị chào thầu. Đặc biệt, Nhà thầu không được chào nhiều thương hiệu, nhiều ký mã hiệu hoặc nhiều xuất xứ cho vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu và không được ghi “*hoặc tương đương*”.
- **Cột (6):** Nhà thầu ghi rõ “*Đáp ứng*” hoặc “*Không đáp ứng*”.
- **Cột (7):** Nhà thầu nêu rõ, trích dẫn tài liệu tham chiếu, vị trí tham chiếu (chương, mục, trang, dòng...).
- **Cột (8):** Các thông tin liên quan khác (nếu có).

- Nhà thầu phải xuất trình đầy đủ cho Chủ đầu tư đầy đủ các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa cụ thể:
 - Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, của đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương cấp/ủy quyền cho nhà thầu nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam.
 - Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy đối với các vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành hoặc các tài liệu tương đương khác (nếu có).
 - Đầy đủ các tài liệu tham chiếu: catalouge, các tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận, kết quả kiểm định chất lượng... nêu rõ các thông số kỹ thuật, đồng bộ và phù hợp với thông số dự thầu do nhà sản xuất/đại diện hợp pháp của nhà sản xuất phát hành. Trường hợp Nhà thầu cung cấp không đủ hoặc thiếu catalouge, các tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận, kết quả kiểm định chất lượng... Bên mời thầu có quyền yêu cầu Nhà thầu bổ sung nếu cần thiết.
 - Các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của hàng hóa chào thầu:
 - Đối với hàng hóa nhập khẩu:
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): Giấy chứng nhận xuất xứ C/O phải được phát hành bởi cơ quan có thẩm quyền của nước nơi sản xuất (bao gồm chế tạo và lắp ráp) ra toàn bộ hàng hóa. C/O phải đảm bảo giá trị pháp lý khi được sử dụng tại Việt Nam;
 - + Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) của hàng hóa;
 - + Vận đơn của hàng hóa (Bill of Lading, Airway Bill);
 - + Phiếu đóng gói chi tiết của hàng hóa (Packing List);
 - + Biên bản thí nghiệm xuất xưởng của hàng hóa (Test Report);
 - + Giấy chứng nhận bảo hành của nhà sản xuất/đại diện kinh doanh hợp pháp của nhà sản xuất tại Việt Nam.
 - Đối với hàng hóa trong nước:
 - + Phiếu kiểm tra hàng hóa trước khi xuất xưởng hoặc chứng nhận chất lượng của đơn vị sản xuất hoặc các kết quả thí nghiệm trước khi xuất xưởng (nếu có);
 - + Phiếu xuất kho;
 - + Biên bản hoặc phiếu giao hàng hóa;
 - + Các chứng từ khác theo quy định.

Các tài liệu, chứng từ nêu trên Nhà thầu phải đệ trình Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát trước khi đưa vào lắp đặt cho công trình. Hàng hóa đến công trình mà không có đầy đủ các tài liệu, chứng từ hợp lệ nói trên thì sẽ không được đưa vào sử dụng cho công trình, nhà thầu phải vận chuyển ra khỏi công trình ngay khi có yêu cầu từ Chủ đầu tư và hoàn toàn chịu trách nhiệm do các thiệt hại mà mình gây ra.

➤ Đối với các vật tư, thiết bị sử dụng cho gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh theo các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy (“PCCC”):

- + Giấy chứng nhận kiểm định về PCCC của phương tiện PCCC (đối với các vật tư, thiết bị thuộc diện phương tiện PCCC là hàng hóa đang lưu thông trên thị trường);
- + Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đối với mẫu kết cấu, cấu kiện được sử dụng để làm mẫu sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa (đối với các vật tư, thiết bị thuộc diện phương tiện PCCC do Nhà thầu/nhà sản xuất chế tạo cho công trình theo yêu cầu của thiết kế: cấu kiện ngăn cháy, các kết cấu được bọc bảo vệ bằng các chất hoặc vật liệu chống cháy...). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng của hàng hóa tương ứng với mẫu đã được kiểm định và cấp chứng nhận kiểm định PCCC. Các sản phẩm, hàng hóa đã được kiểm định mẫu kết cấu, cấu kiện ngăn cháy nhà thầu chịu trách nhiệm về việc hàng hóa được ghi nhãn đầy đủ, thể hiện rõ các thông tin về nhà sản xuất; ký mã hiệu; năm sản xuất; giới hạn chịu lửa; số chứng nhận kiểm định... theo quy định của pháp luật về PCCC.
- + Giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ do cơ quan Công an được phân cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện cấp phép.
- + Giấy phép lưu thông đối với vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy do cơ quan chuyên môn về xây dựng được phân cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện cấp phép.
- + Các Giấy phép, Giấy chứng nhận, các tài liệu khác mà theo quy định của pháp luật về PCCC là cần phải có để hàng hóa được phép lưu thông trên thị trường, lắp đặt, nghiệm thu.

Nhà thầu phải đảm bảo vật tư, thiết bị do mình cung cấp cho gói thầu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và quy định về PCCC hiện hành, đảm bảo các chứng từ, tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu về PCCC sau này của Chủ đầu tư.

- Chứng thư giám định về tình trạng, chất lượng, số lượng, đồng bộ và xuất xứ của các hệ thống thang máy do một tổ chức giám định độc lập có đầy đủ chức năng và năng lực giám định theo quy định pháp luật;

- Chứng nhận kiểm định kỹ thuật an toàn (kèm theo tem kiểm định) do một tổ chức kiểm định độc lập có đầy đủ chức năng và năng lực kiểm định theo quy định pháp luật.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa cung cấp cho gói thầu:

- Các hệ thống thang máy cung cấp cho gói thầu phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết được quy định tại **Phụ lục 01. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm cung cấp cho gói thầu.**
- Nhà thầu lưu ý:
 - Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra, rà soát bản vẽ thiết kế, đồng thời đọc và nghiên cứu kỹ E-HSMT, các chỉ dẫn kỹ thuật... đính kèm E-HSMT nhằm đảm bảo rằng nhà thầu nắm rõ phạm vi công việc của gói thầu, các yêu cầu về kỹ thuật,... E-HSMT và toàn bộ các tài liệu đính kèm E-HSMT, bản vẽ thiết kế sẽ bổ sung lẫn nhau, các yêu cầu/các công việc được quy định trong các tài liệu mà chưa được thể hiện trên bản vẽ hoặc ngược lại thì Nhà thầu cũng phải thực hiện để đảm bảo sự hoàn thiện của hệ thống.
 - Trường hợp phát hiện các sai khác, sự không phù hợp, chưa nhất quán trong các hệ thống bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, khối lượng mời thầu, E-HSMT... Nhà thầu cần gửi các yêu cầu làm rõ cho Chủ đầu tư để làm rõ các sai khác này và có đủ các thông tin hoàn thiện, lập E-HSMT cũng như để lập hồ sơ bản vẽ triển khai (bản vẽ shopdrawing) và triển khai thi công, lắp đặt sau này.
 - Trường hợp phát hiện các thông số kỹ thuật, các yêu cầu về hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị do thiết kế quy định là chưa phù hợp với các quy định hiện hành, Nhà thầu có quyền thông báo, đề xuất xem xét gửi đến Chủ đầu tư (Nhà thầu lưu ý phải gửi kèm các hồ sơ tài liệu dẫn chứng, chứng minh).

1.2.3. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát và chất lượng:

1.2.3.1. Công trường và tiếp nhận công trường:

- Công trường thi công tọa lạc tại địa chỉ Lô Vb.21b-23-25, Đường 22A, Khu công nghiệp thuộc Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Sau khi ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải tiến hành khảo sát, tham quan công trường và tìm hiểu, làm quen với hiện trạng công trường; nắm bắt các lối ra vào; các công trình hiện hữu; không gian sẵn có, điều kiện phương tiện thi công ra vào... để đánh giá, tính toán, bố trí các công trình tạm; bố trí nhà tạm, văn phòng phục vụ điều hành thi công; vị trí nhà kho, bãi tập kết/cất giữ vật tư, vật liệu, hàng hóa, thiết bị, sản phẩm; vị trí lắp dựng lán trại (nếu có)... Nhà thầu phải biết và nắm được các thông tin liên quan đến nguồn nước, nguồn điện, cũng như các tiện ích cần thiết khác cho việc thi công sau này.

- Nhà thầu phải thiết kế và lập bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công, combine với mặt bằng thi công tổng thể của Nhà thầu xây dựng, các Nhà thầu trực tiếp khác trên công trường để trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi tiến hành triển khai thi công, lắp dựng. Nhà thầu phải thể hiện được đề xuất về không gian, vị trí, diện tích của các công trình tạm được bố trí chung trên bản vẽ tổng mặt bằng thi công.
- Nhà thầu phải thiết kế và lập bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công để trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi tiến hành thi công, lắp dựng. Nhà thầu phải thể hiện được đề xuất về không gian, vị trí, diện tích của các công trình tạm được bố trí chung trên bản vẽ tổng mặt bằng thi công.
- Nhà thầu được phép sử dụng chung và phải có trách nhiệm duy trì, bảo quản các giao lộ tạm, đường vào tạm đã được thiết lập sẵn bởi Chủ đầu tư, Nhà thầu xây dựng hoặc các nhà thầu trước đó. Lối ra vào công trường phải được nhà thầu thể hiện trong bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công. Nhà thầu phải cùng giữ gìn các đường đi, lối lại luôn sạch sẽ và an toàn trong suốt quá trình thi công.
- Sau khi tiếp nhận công trường, khu vực thi công từ Chủ đầu tư, Nhà thầu phải xác định và phối hợp với Nhà thầu xây dựng và các Nhà thầu trực tiếp khác để ngay lập tức triển khai công tác dọn dẹp, vệ sinh và rào chắn, giăng lưới bảo vệ an toàn cùng với lắp đặt tín hiệu cảnh báo khác để ngăn cách khu vực mà Nhà thầu thi công và các khu vực khác tại công trường. Nhà thầu cũng phải dự phòng an toàn khi thực hiện các công việc của mình bao gồm sự vận hành của tất cả các loại thiết bị, máy móc và tất cả các yếu tố cần thiết khác và để ngăn cản sự ảnh hưởng của các Nhà thầu khác đang hoạt động trong phạm vi gần kề. Đồng thời, Nhà thầu phải phối hợp chặt chẽ với Nhà thầu xây dựng, Nhà thầu khác trên công trường để công việc của mỗi Nhà thầu đều được thực hiện một cách tốt đẹp và hạn chế tối đa việc ảnh hưởng qua lại.
- Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp hợp lý để hạn chế tất cả nhân công, bao gồm tất cả những nhân công của các nhà thầu phụ của mình và các Nhà thầu khác, xâm phạm các tài sản lân cận hay bất cứ khu vực nào của công trường không bị ảnh hưởng bởi công việc. Nếu Nhà thầu muốn lắp dựng giàn giáo hay sử dụng phần đất hoặc không gian khu vực kế cận, Nhà thầu phải thông báo, nhận được sự cho phép và dọn dẹp, sửa sang mọi thiệt hại bằng chi phí của mình cũng như thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc đó nhưng phải luôn được phê duyệt bằng văn bản trước đó bởi Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư.
- Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu xây dựng, hay đơn vị do Chủ đầu tư chỉ định sẽ cung cấp cho Nhà thầu đầy đủ các thông tin về trắc đạc và triển khai, bao gồm việc cung cấp các kích thước cần thiết phục vụ cho công tác thi công của Nhà thầu. Ngay sau khi tiếp nhận công trường và trước khi bắt đầu tiến hành công việc, Nhà thầu phải kiểm tra tính chính xác các thông tin, các kích thước chi tiết... trong trường hợp có sự khác biệt, phải lập tức báo cáo ngay cho Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư.

- Công trường không được sử dụng cho bất kì mục đích nào khác ngoài việc thực hiện công việc theo hợp đồng.
- Bất kỳ khiếu nại/đề nghị thanh toán bổ sung của Nhà thầu do Nhà thầu không thu thập thông tin hoặc không tuân thủ các hướng dẫn nêu trên sẽ không được giải quyết.

1.2.3.2. Lán trại, văn phòng, các công trình tạm khác... tại công trường:

- Nhà thầu tự cung cấp và lắp dựng tất cả nhà tạm; văn phòng; kho/bãi tập kết, cất giữ hàng hóa, vật liệu, vật tư, thiết bị, sản phẩm;... tạm thời phục vụ cho công tác thi công hoặc nhà thầu có thể tự thuê nơi khác làm kho/bãi tập kết, cất giữ hàng hóa, vật liệu, vật tư, thiết bị, sản phẩm hoặc gia công chế tạo. Văn phòng tạm phải bao gồm thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, máy lạnh, được đấu nối điện nước, vệ sinh và bảo trì hằng tuần, hằng tháng.
- Các kho/bãi tập kết, cất giữ hàng hóa, vật liệu, vật tư, thiết bị, sản phẩm cung cấp cho gói thầu, Nhà thầu phải đảm bảo nền cao, không thấm nước; đối với các loại nguyên, vật liệu dễ cháy - nổ, Nhà thầu phải có biện pháp dự phòng, ngăn ngừa khả năng phát hỏa, gây cháy.
- Chủ đầu tư đã lắp dựng hàng rào tạm xung quanh khu vực công trường. Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện bảo quản và tu sửa cần thiết nếu làm ảnh hưởng trong suốt thời gian thi công.
- Nhà thầu được phép sử dụng các khu vực vệ sinh cần thiết, cũng như các tiện ích khác cho việc sử dụng của công nhân trên công trường, phải cùng giữ gìn và đảm bảo các nơi này luôn ở điều kiện sạch sẽ. Đây là điều kiện bắt buộc của Chủ đầu tư để ngăn chặn công nhân sử dụng những nơi khác cho mục đích vệ sinh cá nhân.
- Nhà thầu phải xác định với Chủ đầu tư, Nhà thầu xây dựng và các Nhà thầu trực tiếp khác trên công trường trước khi giải phóng các chướng ngại vật nổi hiện hữu tại công trường để tiến hành vận chuyển các thiết bị máy móc và lắp dựng các hạng mục/công trình tạm.
- Các công trình tạm được nhà thầu lắp dựng cùng với việc lắp đặt các thiết bị điện, cung cấp nước, hệ thống nước thải và kết nối với các đường ống dịch vụ thích hợp. Chi phí sử dụng điện, nước, chi phí đấu nối và các dịch vụ thông tin liên lạc cho các lán trại, văn phòng tạm sẽ do Nhà thầu chi trả.
- Nhà thầu phải hoàn tất tháo dỡ toàn bộ công trình tạm, kho/bãi, văn phòng... nếu Chủ đầu tư có yêu cầu, giải quyết các vấn đề liên quan khi hoàn tất thi công, hoàn trả mặt bằng và rời khỏi công trường.
- Nhà thầu phải tuân thủ tuyệt đối theo sắp xếp, bố trí tổng mặt bằng đã được các Bên chấp thuận và phê duyệt.

1.2.3.3. Điện, nước, chiếu sáng thi công:

- Nhà thầu tự thỏa thuận và tự kết nối với các nguồn điện tạm thời được cung cấp, hướng dẫn bởi Nhà thầu xây dựng. Nhà thầu xây dựng chỉ cung cấp và trang bị các cầu dao, ổ cắm theo các vị trí mà Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát đã phê duyệt, Nhà thầu tự cung cấp thiết bị đấu nối và dẫn cáp điện tới vị trí của thiết bị điện sử dụng để thi công công việc và bằng chi phí của mình, Nhà thầu phải tự cung cấp chiếu sáng phục vụ cho thi công công tác riêng của mình. Tất cả công việc kết nối, kéo rải cáp điện tới vị trí thi công phải được tiến hành an toàn, chuyên nghiệp và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và các cấp thẩm quyền có liên quan.
- Nhà thầu tự thỏa thuận và tự kết nối với các nguồn nước được cung cấp, hướng dẫn bởi Nhà thầu xây dựng. Nhà thầu xây dựng sẽ cho phép sử dụng chung hệ thống cấp, phân phối nước phục vụ thi công do nhà thầu xây dựng thiết lập trên công trường. Nhà thầu tự cung cấp ống dẫn nước, vòi, khóa... tới vị trí cần sử dụng nước để thi công công việc, có thể thay đổi theo từng thời điểm khi được yêu cầu, tháo dỡ khi hoàn thành và dọn dẹp sạch sẽ.
- Chi phí sử dụng điện, nước phục vụ thi công, điều hành thi công gói thầu của Nhà thầu được Nhà thầu thanh toán thẳng hàng tháng cho Nhà thầu xây dựng theo thỏa thuận sử dụng điện, nước giữa hai đơn vị.

1.2.3.4. Bảo vệ công trình:

- Nhà thầu có nhiệm vụ bảo vệ tất cả đường đi lối lại, máy móc, vật tư, vật liệu,... và đảm bảo giao thông xe cộ không bị tắc nghẽn trong quá trình thi công.
- Nhà thầu phải có trách nhiệm với bất cứ sự can thiệp, hư hỏng hoặc di dời phát sinh đối với tài sản của Chủ đầu tư hoặc tài sản công cộng như điện, nước, công trình viễn thông, đường ống cấp thoát nước,... do hoạt động của Nhà thầu, Nhà thầu phải bồi thường hậu quả và chi phí cho việc khôi phục, sửa chữa.
- Nhà thầu không được cho phép bất cứ người lạ mặt nào vào bên trong công trường và người quản lý công trường phải nghiêm khắc thực hiện tốt việc đó. Tất cả nhân viên của Nhà thầu phải được cung cấp thẻ ra vào công trường và bắt buộc phải đeo thẻ tại mọi thời điểm làm việc trong công trường.
- Nhà thầu phải tự tổ chức phương án bảo quản, cất giữ, kiểm soát hàng hóa, vật liệu, vật tư, thiết bị, sản phẩm cung cấp cho gói thầu và máy móc, thiết bị phục vụ thi công trên công trường.
- Nhà thầu tuyệt đối tuân thủ các biện pháp an ninh đã được Chủ đầu tư, Nhà thầu xây dựng thiết lập và duy trì 24/7 trên công trường.

1.2.3.5. Bảo vệ các công trình lân cận:

- Nhà thầu phải đảm bảo không gây bất kì hư hại nào cho các công trình/tài sản lân cận và xung quanh.

- Nhà thầu phải tự mình chịu trách nhiệm cho việc đã đảm bảo rằng quá trình thi công công việc là không gây thiệt hại tới sự an toàn và tính ổn định của bất cứ công trình/tài sản xung quanh và lân cận nào.
- Trong toàn bộ quá trình thi công công trình, Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước Chủ đầu tư và trước pháp luật trong việc làm hư hỏng công trình, dịch vụ, đường xá, hàng rào, đường ống..., trong công trường và các công trình/tài sản lân cận cũng như Nhà thầu phải đền bù thỏa đáng những thiệt hại do mình gây ra.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm giải quyết ổn thỏa tất cả các khiếu nại của các chủ dự án, chủ công trình lân cận, xung quanh chịu ảnh hưởng tiêu cực của quá trình thi công công việc của nhà thầu. Nhà thầu đảm bảo sẽ giải quyết các khiếu nại này một cách nhanh chóng để không làm ảnh hưởng tiêu cực đến tiến độ thi công của dự án;
- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ việc khảo sát hiện trạng của toàn bộ công trình hiện hữu hay lân cận trước khi bắt đầu thi công công trình.

1.2.3.6. Tổ chức thi công:

- Nhà thầu tổ chức thi công theo đúng các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật thi công áp dụng, tuân thủ Hồ sơ thiết kế, Chỉ dẫn kỹ thuật.
- Nhà thầu phải thi công theo đúng kích thước trong bản vẽ và không được tự ý thay đổi kích thước từ bản vẽ trong bất cứ trường hợp nào. Kích thước có thể lấy từ thực tế công trình. Trước khi bắt đầu thực hiện bất cứ hạng mục nào, mọi kích thước phải được kiểm tra trên thực tế và phải được sự đồng ý của Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư.
- Khi phát hiện bất kỳ sự khác biệt nào xảy ra giữa bản vẽ trong hợp đồng và tiêu chuẩn kỹ thuật, Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức cho Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát để quyết định phương án xử lý, giải quyết.
- Trường hợp Nhà thầu bắt đầu thi công mà không cùng đại diện của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát làm rõ mọi sự khác biệt, Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm và phí tổn cho việc sửa chữa, khắc phục hay phá dỡ để thực hiện lại.
- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ khối lượng công trình/hạng mục công trình theo kế hoạch, tiến độ đã đăng ký, đạt chất lượng và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm lập quy trình thi công theo đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng cho từng loại công việc của từng hạng mục công trình trong hợp đồng.
- Nhà thầu phải tổ chức các máy móc, thiết bị phục vụ thi công cần thiết cho việc tiến hành các công việc thuộc phạm vi thi công của Nhà thầu bao gồm cả các công việc của nhà thầu phụ, nhà cung cấp được chỉ định và đồng thời cũng đáp ứng các yêu cầu liên quan đến các công tác giao nhau và phối hợp với công việc của các nhà thầu khác và thanh toán tất cả các chi phí và phí tổn có liên quan.

- Nhà thầu phải xác định rõ trình tự thực hiện, lập các lưu đồ thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc, bố trí các công việc một cách hợp lý (tuần tự, kết hợp hoặc cuốn chiếu) nhằm tận dụng tối đa thiết bị, máy móc, tối ưu nguồn lực huy động và đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm huy động nhân sự chủ chốt theo đúng cam kết trong E-HSDT và phải chuẩn bị đủ lực lượng cán bộ nhân viên theo yêu cầu của công trình để đảm bảo thi công chính xác và trôi chảy, hoàn thành công trình đúng tiến độ. Cán bộ chủ chốt và nhân viên của Nhà thầu phải là những người có trình độ chuyên môn và có kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà họ phụ trách. Bất kỳ sự thay đổi nhân sự chủ chốt nào của Nhà thầu đều phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải chủ động xây dựng các biện pháp tổ chức, huy động nhân lực phù hợp với công việc và tiến độ thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận việc dừng thi công với lý do Nhà thầu không đủ nhân công thực hiện.
- Trường hợp, nếu nhân công sử dụng không đúng, không có tay nghề hoặc nếu trang thiết bị được dùng không phù hợp, Nhà thầu sẽ được yêu cầu thay thế nhân công/trang thiết bị hoặc phương pháp thi công. Nhà thầu sẽ không được phản đối lại Chủ đầu tư về việc tuân thủ theo yêu cầu hoặc chỉ thị của Chủ đầu tư trong trường hợp này.
- Nhà thầu cung cấp và duy trì tất cả các dàn giáo thi công, sàn thao tác, lưới chắn, thang, công cụ và điều kiện thi công cần thiết khác... cho việc tiến hành thi công và hoàn thiện các công việc của Nhà thầu và phải chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các chi phí và phí tổn liên quan đến việc này trong toàn bộ quá trình thực hiện gói thầu. Việc thiết kế và lắp dựng dàn giáo và sàn thao tác phải đảm bảo yêu cầu về an toàn.
- Nhà thầu lưu ý một số nội dung liên quan đến công tác triển khai lắp đặt:
 - + Tiếp nhận và quản lý mặt bằng thi công, bảo quản các mốc định vị, mốc giới, quản lý vị trí thi công trong phạm vi được bàn giao. Phối hợp với Nhà thầu xây dựng xác định tim trục công trình, làm cơ sở xác định tâm cửa tầng; tâm cabin; tâm ray đối trọng, ray cabin.
 - + Phối hợp với Nhà thầu xây dựng, Tư vấn giám sát kiểm tra kích thước phòng máy; các cửa; vị trí; kích thước các lỗ lắp bảng bấm bảng báo; các lỗ thả cáp, lỗ kéo máy, móc treo....
 - + Dọn sạch hố thang trước khi tiến hành thi công các công tác;
 - + Các công tác lắp đặt cơ khí: lắp đặt dàn chèn & dây dọi; lắp ray dẫn hướng: gối đỡ, ray dẫn; lắp cửa tầng: sill cửa; khung bao, cửa; lắp đặt trên phòng máy: tủ điều khiển, đà thép, động cơ, governor; lắp đặt cabin: cơ cấu an toàn; bộ phận dẫn hướng cabin, sàn, vách, nóc cabin; lắp đặt đối trọng; lắp đặt cáp; lắp đặt dưới đáy hố PIT: giảm chấn, các công tắc, đèn... Và các công lắp đặt

phần điện: lắp đặt ống và đi dây điện bên trong hồ thang, đi dây đến các bảng bấm, bảng hiển thị tầng; lắp các bảng bấm và bảng hiển thị tầng... phải đảm bảo được thực hiện đúng quy trình, hoàn chỉnh, chất lượng, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.

1.2.3.7. Tiến độ công việc:

- Để đảm bảo tiến độ và việc thi công công trình đúng yêu cầu, Nhà thầu phải đệ trình một bảng tiến độ thi công chi tiết ngay sau khi ký hợp đồng, trong đó nêu rõ: *(i) thể hiện chi tiết từng hạng mục công việc, chi tiết cho từng đầu việc; (ii) thời gian bắt đầu và kết thúc đối với từng công việc; (iii) thời gian khởi công và hoàn thành gói thầu; (iv) thời gian chuẩn bị và cung ứng vật tư, thiết bị máy móc; (v) thời gian làm việc của cán bộ, công nhân trên công trường; (vi) các biện pháp thi công công trình/hạng mục công trình tương ứng.*
- Bảng tiến độ chi tiết sẽ được Chủ đầu tư dùng làm cơ sở đánh giá sự chậm trễ và các hậu quả do việc chậm tiến độ gây ra để ngăn ngừa việc thi công chậm tiến độ. Tổng thời gian trong bảng tiến độ sẽ tương đương với thời gian thực hiện được ghi trong hợp đồng.
- Trong quá trình thi công, nếu Tư vấn giám sát đánh giá rằng tiến độ thi công của Nhà thầu trong việc thực hiện bất cứ công việc nào thuộc phạm vi gói thầu là không thỏa đáng, không đảm bảo tiến độ và tiến độ của các Nhà thầu trực tiếp khác bị ảnh hưởng, Tư vấn giám sát có thể đệ trình, đề xuất Chủ đầu tư đưa ra chỉ thị chấm dứt công việc đó từ Nhà thầu và chỉ định cho một Nhà thầu trực tiếp khác có năng lực thực hiện công việc này thay cho Nhà thầu và bất cứ chi phí hoặc phí tổn nào mà Nhà thầu trực tiếp khác đó yêu cầu thanh toán liên quan sẽ được khấu trừ vào hợp đồng của Nhà thầu.

1.2.3.8. Nhật ký công trường:

- Nhà thầu sẽ giữ gìn nhật ký công trường theo mẫu chuẩn do Chủ đầu tư duyệt, trong đó ghi lại những thông tin cần thiết sau đây:
 - + Thời tiết, khí hậu;
 - + Số công nhân làm việc trên công trường của Nhà thầu và các thầu phụ của Nhà thầu;
 - + Chung loại và số lượng vật liệu cung cấp, sử dụng và lắp đặt trên công trường;
 - + Các thiết bị trên công trường;
 - + Sự chậm trễ /Trì hoãn công việc của Nhà thầu và nhà thầu phụ;
 - + Các chỉ dẫn/hướng dẫn của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và các yêu cầu phát sinh công việc;
 - + Nhận và cập nhật/sửa đổi bản vẽ;
 - + Các tai nạn hoặc sự cố đặc biệt.

- Một bản sao của nhật ký sẽ được trình cho Chủ đầu tư xem xét hàng ngày. Bản chính của Nhật ký sẽ là tài sản của Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm lưu giữ và bàn giao khi Chủ đầu tư yêu cầu.

1.2.3.9. Yêu cầu phê duyệt:

- Nhà thầu phải đệ trình mẫu hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm theo đúng tiến độ, đúng chủng loại và đặc tính yêu cầu (Nhà thầu có thể đề xuất thay thế hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm hợp đồng bằng loại vật liệu khác có chất lượng tương đương/cao hơn với sự chấp thuận của Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư). Các mẫu này được coi là chuẩn để Nhà thầu căn cứ cung cấp khối lượng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm cho công trình. Đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát sẽ lưu giữ mẫu. Những hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm không có chất lượng hay đặc tính phù hợp với mẫu được duyệt sẽ bị loại bỏ.
- Nhà thầu phải ghi nhãn diễn giải các hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm của mình và/hoặc còn nguyên hướng dẫn sử dụng hoặc lắp đặt để xác định loại vật liệu, các thông tin tham khảo, nhà sản xuất/cung cấp và nước xuất xứ.
- Việc phê duyệt bất kỳ mẫu nào chỉ là sự chấp nhận cho tính chất và cách thức sử dụng mẫu đó như được nêu trong các hồ sơ tài liệu trình Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư phê duyệt và không áp dụng cho mẫu khác. Việc chấp nhận một mẫu không có nghĩa là có sự thay đổi hoặc giảm bớt bất kỳ yêu cầu nào theo hợp đồng. Một khi hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm đã được phê duyệt, không có thay đổi nào khác về nhãn hiệu hoặc nơi sản xuất được cho phép.
- Nhà thầu phải gửi các yêu cầu phê duyệt theo biểu mẫu đã thống nhất tới đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và các mẫu hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm, biện pháp thi công... Các yêu cầu này phải kèm theo bản giải trình, mẫu, bảng thông số kỹ thuật (chỉ rõ nội dung phù hợp với thiết kế, phù hợp với các yêu cầu theo hợp đồng), các thông tin liên quan và các nội dung/chi tiết cần thiết khác...
- Chủ đầu tư được quyền yêu cầu Nhà thầu gửi bản sao các hồ sơ đã đặt hàng/gia công/mua sắm cho Chủ đầu tư kiểm tra

1.2.3.10. Công tác thí nghiệm, thử nghiệm:

- Các hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm sử dụng cho công trình phải được kiểm tra trước khi xuất xưởng và Nhà thầu có trách nhiệm đệ trình phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất, chứng tỏ rằng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm đã được kiểm tra dựa trên những tiêu chuẩn thích hợp hay chuẩn mực. Nhà thầu phải thực hiện công tác kiểm tra, thí nghiệm theo yêu cầu của Hồ sơ thiết kế, Chỉ dẫn kỹ thuật, Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và đệ trình các chứng chỉ/báo cáo thử nghiệm, kết quả thí nghiệm. Nhà thầu sẽ chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thí nghiệm được thực hiện bởi các cơ quan, đơn vị thí nghiệm, đồng thời chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu cho việc kiểm tra, thí nghiệm.

- Các thí nghiệm sẽ được tiến hành trong thời gian thích hợp hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát trong thời điểm bất kỳ để đảm bảo vật tư xây dựng có đặc tính kỹ thuật đúng tiêu chuẩn.
- Cơ quan, đơn vị thí nghiệm là những cơ quan, đơn vị đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm ứng với các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật được cho phép thực hiện. Các cơ quan, đơn vị thí nghiệm bắt buộc phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát. Mọi kết quả thí nghiệm đều phải có tính chất pháp lý về mặt kỹ thuật.
- Các công tác yêu cầu thí nghiệm, thử nghiệm trước khi đưa vào thi công và trong quá trình thi công được thực hiện theo quy định hiện hành.
- Trách nhiệm của Nhà thầu đối với chất lượng công tác thí nghiệm:
 - + Nhà thầu phải đảm bảo tiến độ thí nghiệm, thử nghiệm không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và nghiệm thu các công việc/hạng mục công trình/công trình;
 - + Trực tiếp giải quyết các vướng mắc trong quá trình thí nghiệm, thử nghiệm;
 - + Chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến việc thí nghiệm, thử nghiệm, đồng thời chịu trách nhiệm vận chuyển, cung cấp vật liệu, vật tư, thiết bị cho việc thí nghiệm, thử nghiệm.

1.2.3.11. Bản vẽ thi công và bản vẽ phối hợp, bản vẽ hoàn công:

- Các bản vẽ thi công, bản vẽ phối hợp phải được lưu giữ và bảo quản trên công trường trong suốt thời gian thi công công trình với đầy đủ các lần phát hành. Các bản vẽ thi công, bản vẽ phối hợp bao gồm bản vẽ theo hợp đồng và các bản vẽ triển khai chi tiết do Nhà thầu phát hành trên công trường trong thời gian thi công công trình.
- Các bản vẽ thi công, bản vẽ phối hợp do Nhà thầu phát hành và đệ trình bằng cả bản cứng và bản mềm (file Autocad). “Bản vẽ thi công” bao gồm bản vẽ theo hợp đồng và các bản vẽ triển khai chi tiết do Nhà thầu phát hành và được Chủ đầu tư phê duyệt trên công trường trong thời gian thi công công trình.
- Tất cả các bản vẽ phải được đệ trình với thời gian phù hợp cho việc kiểm tra và tái đệ trình cho bất kỳ sửa đổi nào cần có, để dù bất cứ trường hợp nào đi nữa cũng không làm ảnh hưởng đến thời gian hoàn thành của hợp đồng.
- Sẽ không loại trừ trách nhiệm trong việc thi công của Nhà thầu cho dù bản vẽ thi công và/hoặc bản vẽ phối hợp đã được duyệt bởi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư.
- Sẽ không có bất kỳ công tác nào được thực hiện cho đến khi các bản vẽ thi công và/hoặc bản vẽ phối hợp đã được duyệt. Việc phê duyệt các bản vẽ đó bởi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư chỉ là phê duyệt vấn đề về mặt nguyên tắc và không bao hàm việc kiểm tra các kích thước chi tiết hoặc chấp thuận các chi tiết hay vật liệu phụ.

- Nhà thầu phải chuẩn bị bản vẽ hoàn công cho tất cả các công việc thuộc hợp đồng của mình. Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát bản chính bao gồm bản vẽ triển khai chi tiết và bản vẽ hoàn công. Các bản vẽ sẽ phải trình cho Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát phê duyệt trước khi phát hành chính thức có xác nhận hoàn thành công việc.

1.2.3.12. Giám sát thi công:

- Nhà thầu tự giám sát (nhân viên giám sát của Nhà thầu chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày) liên tục trong thời gian thực hiện hợp đồng để đảm bảo rằng tất cả khối lượng công việc được thực hiện đúng quy trình, hoàn chỉnh, chất lượng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật.
- Nhà thầu phải chuẩn bị đủ lực lượng cán bộ nhân viên theo yêu cầu của công trình để đảm bảo thi công chính xác và trôi chảy, hoàn thành công trình đúng tiến độ. Nhân viên, cán bộ của Nhà thầu phải là những người có trình độ chuyên môn và có kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà họ phụ trách, đảm bảo làm việc liên tục tại hiện trường để giám sát, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chất lượng và tay nghề. Nhà thầu sẽ đệ trình xin ý kiến chấp thuận của Chủ đầu tư danh sách nhân sự chủ yếu cho các công việc trước khi tiến hành thi công. Trường hợp khi được Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát yêu cầu, Nhà thầu sẽ cung cấp nhân sự để hỗ trợ các đơn vị trong việc kiểm tra cao độ, dựng mốc, đổ mẫu thử bê tông, lấy mẫu đất, thử mẫu vật liệu... và trong bất cứ công việc nào khác liên quan đến hợp đồng. Mọi thiết bị và các công việc kiểm tra tại công trường, Nhà thầu phải luôn sẵn sàng và được giữ trong điều kiện tốt cho việc sử dụng của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát.
- Nhà thầu phải đảm bảo rằng Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát có thể liên hệ bất cứ lúc nào qua điện thoại trong thời gian tiến hành hợp đồng, bao gồm cả ban đêm và ngày nghỉ, để giải quyết các trường hợp khẩn cấp và các phát sinh trong công việc.
- Nhà thầu phải lên kế hoạch và bảng tiến độ chi tiết khối lượng công việc thực hiện trong từng tuần và trình nộp cho Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát. Mọi công tác mời nghiệm thu phải được thông báo tối thiểu trước 24 giờ cho các bên liên quan.
- Trong trường hợp cần thiết làm việc thêm giờ để hoàn thành công việc theo đúng tiến độ quy định trong hợp đồng hay bất kỳ lý do nào khác, Nhà thầu phải thực hiện tất cả các chi phí cần thiết mà không được tính phát sinh. Nhà thầu phải thông báo trước tối thiểu 24 giờ và phải được sự cho phép của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát cho việc làm thêm giờ. Nhà thầu lưu ý, khi làm việc thêm giờ, Nhà thầu phải đảm bảo có các nhân sự phụ trách sau có mặt trên công trường bao gồm nhưng không giới hạn: giám sát, an toàn, kiểm soát chất lượng...
- Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xác định khối lượng và chất lượng các công việc do Nhà thầu thực hiện đúng theo thiết kế và các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát có quyền yêu cầu Nhà thầu sửa chữa, hoàn chỉnh các sai sót tồn tại trong quá trình thi công. Các ý kiến của các cán bộ giám sát công trình đều phải được ghi nhận vào sổ nhật ký công trường của Nhà thầu. Nhà thầu phải nghiêm túc chấp hành và tổ chức sửa chữa ngay đảm bảo đúng thiết kế, đúng yêu cầu mà Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát đã thông báo xử lý.
- Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu giữa Tư vấn giám sát và Nhà thầu có các ý kiến khác nhau, không thống nhất biện pháp thực hiện, giải quyết, Tư vấn giám sát và Nhà thầu phải báo cáo ngay cho Chủ đầu tư. Trong trường hợp này Chủ đầu tư sẽ đến ngay hiện trường để xem xét và giải quyết cụ thể.
- Trường hợp Nhà thầu thi công vào ban đêm (sau giờ hành chính), vào ngày cuối tuần, ngày nghỉ, lễ, Tết, Nhà thầu phải chịu chi phí Tư vấn giám sát.

1.2.3.13. Chế độ hội họp, báo cáo:

- Hằng ngày, khi kết thúc thời gian/ca làm việc, nhà thầu phải báo cáo nhanh tình hình triển khai công việc trong ngày qua E-mail hoặc qua các phương tiện trao đổi thông tin giữa các Bên trên công trường bao gồm: công việc thực hiện; phạm vi/vị trí thi công; khối lượng thực hiện trong ngày và lũy kế; tỉ lệ/tình trạng hoàn thành; các công việc phát sinh theo yêu cầu của Tư vấn giám sát hoặc Chủ đầu tư; các kiến nghị/đề xuất... và đặc biệt nhà thầu trình bày vấn đề kế hoạch công việc cho ngày thi công kế tiếp.
- Trong suốt thời gian thi công, hàng tuần Nhà thầu phải báo cáo tiến độ thi công, nêu rõ tình hình thực hiện thật sự của tất cả các hạng mục công trình và kế hoạch tiến độ thực hiện công việc tuần tới. Đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất với Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát các biện pháp giải quyết và chuẩn bị cho công việc tiếp theo.
- Trong thời gian thi công, Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát sẽ tổ chức các buổi họp định kỳ hoặc đột xuất để giải quyết công việc, Nhà thầu phải tham dự các buổi họp với đầy đủ thành phần theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát. Các quyết định đưa ra trong các cuộc họp sẽ được đính kèm và đưa vào trong các biên bản cuộc họp công trường do Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát chuẩn bị và các bên tham gia sẽ ký xác nhận. Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát sẽ gửi bản sao tất cả các biên bản cuộc họp công trường tới các bên tham gia. Nhà thầu sẽ lưu bản sao của tất cả các biên bản cuộc họp công trường tại văn phòng công trường của Nhà thầu.
- Riêng với họp giao ban hằng tuần, Nhà thầu cần trình bày ngắn gọn và rõ ràng các nội dung chủ yếu sau:
 - + Tình hình an ninh, an toàn lao động trên công trường;
 - + Khối lượng đã thực hiện theo nguyên tắc: khối lượng lũy kế trên khối lượng tổng cộng;
 - + Kế hoạch công việc cho tuần tới;

- + Các ý kiến đề xuất;
- + Tùy vào thời điểm mà Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tổng hợp, cập nhật và báo cáo Chủ đầu tư trong các cuộc họp về chi phí các phát sinh đến thời điểm yêu cầu báo cáo gồm: các phát sinh cho đến nay; các phát sinh dự kiến; phát sinh đang chờ bản vẽ; các phát sinh chờ đệ trình chi phí; các phát sinh chờ chấp thuận; các phát sinh đã được Chủ đầu tư chấp thuận...

1.2.3.14. Tổ chức kiểm tra và nghiệm thu:

- Công tác nghiệm thu kỹ thuật: Căn cứ theo Hồ sơ thiết kế, Chỉ dẫn kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng, hiện hành tính đến thời điểm thi công.
- Việc kiểm tra chất lượng công việc/hạng mục công trình/công trình tuân thủ các quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và tiến hành theo các yêu cầu của Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư khi được Nhà thầu thông báo đề nghị nghiệm thu công việc/hạng mục công trình/công trình hoặc khi các công tác thi công được cho rằng không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.
- Công tác kiểm tra chất lượng được ghi rõ kết quả kiểm tra, các thông số về kích thước hình học, cao độ, cùng các chỉ tiêu kỹ thuật khác. Kết quả sẽ được ghi rõ trong biên bản nghiệm thu hoặc kiểm tra, đặc biệt là đối với các hạng mục công trình/công trình lắp khuất.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị và chất lượng sản phẩm thi công của mình, Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, thử nghiệm, các chứng chỉ vật liệu và các thành phần cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giao đoạn thi công hoặc khi Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát yêu cầu.
- Khi kiểm tra, nghiệm thu các công việc/hạng mục công trình có sử dụng các nguyên vật liệu thi công không đạt yêu cầu, Nhà thầu phải tiến hành ngay việc thay thế nguyên vật liệu đó, đồng thời đệ trình phương án khắc phục, sửa chữa hoặc phá dỡ các sản phẩm được cấu thành từ nguyên vật liệu không đạt yêu cầu.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công việc, chất lượng hạng mục công trình/công trình do mình thực hiện theo quy định. Mọi phê duyệt của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát vẫn không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu đối với chất lượng công trình.
- Công tác nghiệm thu khối lượng: Theo hồ sơ thiết kế thi công và khối lượng hợp đồng, trường hợp có phát sinh khối lượng phải được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát xác nhận.
- Tổ chức nghiệm thu: Tuân thủ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

1.2.3.15. Quan hệ giữa các Bên trong thi công và quản lý chất lượng trên công trường:

- Nhà thầu: Đơn vị trực tiếp cung cấp, thi công, lắp đặt, hoàn thiện hệ thống thang máy của công trình và chịu trách nhiệm chính trong công việc tổ chức kiểm tra/nghiệm thu các công tác trung gian hoặc kiểm tra/nghiệm thu bàn giao hạng mục công trình/công trình. Khi cần kiểm tra/nghiệm thu nội dung nào, Nhà thầu phải báo trước cho Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư ít nhất là 24 giờ. Nhà thầu có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát làm tốt công tác giám sát kỹ thuật và kiểm tra chất lượng, tiến độ trên công trường.
- Nhà thầu xây dựng: Đơn vị trực tiếp thi công xây dựng công trình chính và các hạng mục phụ trợ của dự án. Nhà thầu xây dựng được xem như là nhà thầu chính của dự án. Nhà thầu xây dựng sẽ cung cấp và hỗ trợ cho Nhà thầu cũng như các nhà thầu trực tiếp khác trên công trường các tiện ích được nêu chi tiết bên dưới đây.
- Nhà thầu trực tiếp khác: Nhà thầu do Chủ đầu tư chỉ định/lựa chọn để thực hiện các công việc khác của công trình: Nhà thầu cơ điện; nhà thầu nội thất, nhà thầu bếp...
- Tư vấn giám sát và Quản lý dự án (“TVGS”): Đơn vị được Chủ đầu tư lựa chọn để thực hiện việc giám sát kỹ thuật, tiến độ, chất lượng thi công trên công trường. Tư vấn giám sát có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng khối lượng, đúng yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.
- Chủ đầu tư: Đơn vị có ý kiến quyết định cuối cùng nếu có những bất đồng giữa Nhà thầu, Nhà thầu xây dựng, Tư vấn giám sát, Đơn vị Tư vấn thiết kế, các nhà thầu trực tiếp khác... cũng như là đơn vị sẽ đưa ra các quyết định về những vấn đề nằm ngoài hợp đồng và hồ sơ thiết kế.
- Các Bên phải có văn bản chính thức giới thiệu nhân sự có trách nhiệm và quyền hạn giải quyết các vấn đề trên công trường. Chỉ có những người trong danh sách được giới thiệu mới có quyền quyết định những vấn đề trong phạm vi của mình.
- Các ý kiến đề xuất, các đề nghị, yêu cầu của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát, các Nhà thầu trực tiếp khác và ngược lại, phải được thể hiện bằng văn bản và được lưu trữ trong hồ sơ thi công công trình.
- Chi tiết các tiện ích và hỗ trợ của Nhà thầu xây dựng cho Nhà thầu và các Nhà thầu trực tiếp khác bao gồm những phần việc dưới đây:
 - + Nhà thầu được sử dụng chung đường tạm ra vào và các đường đi lối lại trên công trường, Nhà thầu xây dựng sẽ đảm bảo lối ra vào thông thoáng và cho phép nhà thầu sử dụng chung khu rửa xe...
 - + Nhà thầu được sử dụng toàn bộ và miễn phí các hàng rào tạm, thanh chắn đã được Nhà thầu xây dựng thiết lập cho việc thi công các hạng mục trên công

trường...

- + Nhà thầu xây dựng sẽ tạo điều kiện và bố trí khoản trống trên mặt bằng cho Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác được bố trí văn phòng, kho/bãi, công trình tạm tuân theo các bố trí sắp xếp được duyệt trước đó bởi Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát.
- + Nhà thầu xây dựng sẽ cung cấp mặt bằng thi công tại công trường hoặc trong chính toà nhà đang được thi công bao gồm cả sàn nhà kết cấu bởi nhà thầu xây dựng để Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác bố trí và thi công các hạng mục công việc riêng của mình.
- + Nhà thầu được sử dụng toàn bộ và miễn phí các khu vệ sinh và các tiện ích khác.
- + Nhà thầu xây dựng sẽ cung cấp giàn giáo bao che, sàn thao tác và tất cả các lưới an toàn cần thiết cho tất cả các bề mặt ngoài để Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác có thể phối hợp thực hiện công việc của mình (không bao gồm giàn giáo phục vụ công việc riêng của nhà thầu). Những giàn giáo hoặc sàn thi công và lưới an toàn như vậy sẽ không được dỡ bỏ cho tới khi tất cả các công tác thi công cho bề mặt bên ngoài của tòa nhà (bao gồm bất cứ việc sửa chữa sai sót nào) được hoàn thành và có được sự chấp thuận của Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư.
- + Nhà thầu xây dựng cung cấp công tác bảo vệ 24 giờ một ngày và 07 ngày một tuần trên công trường.
- + Nhà thầu xây dựng cho phép các đơn vị được sử dụng chung thiết bị nâng như vận thăng, cầu tháp... để vận chuyển vật tư máy móc phục vụ công tác thi công gói thầu này và các gói thầu trực tiếp khác;
- + Nhà thầu xây dựng sẽ chỉ cung cấp hệ thống chiếu sáng chung cho công trường 24 giờ một ngày và 07 ngày một tuần theo yêu cầu. Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác sẽ phải tự cung cấp chiếu sáng cho việc thi công các công tác riêng của mình bằng chi phí của mình.
- + Nhà thầu xây dựng sẽ cho phép Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác được thỏa thuận sử dụng chung nguồn điện tạm phục vụ thi công và tủ, bảng điện phân phối điện tạm thời mà nhà thầu đã thiết lập trên công trường để nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác thực hiện công việc của họ (bao gồm nguồn điện 03 pha). Nhà thầu xây dựng sẽ chỉ cung cấp và trang bị các cầu dao, ổ cắm theo các vị trí mà Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát đã phê duyệt, Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác sẽ phải chịu trách nhiệm trang bị dây dẫn, thiết bị đấu nối... tới điểm thi công của mình trên công trường. Chi phí sử dụng điện do Nhà thầu và Nhà thầu xây dựng tự thỏa thuận đơn giá, hằng tháng chi phí này sẽ được nhà thầu thanh toán thẳng cho nhà thầu xây dựng...
- + Tương tự, Nhà thầu xây dựng sẽ cho phép Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp

khác được phép thỏa thuận sử dụng nước và sử dụng chung hệ thống cấp, phân phối nước phục vụ thi công do nhà thầu xây dựng thiết lập trên công trường để nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp có thể thực hiện công việc của họ. Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác phải chịu trách nhiệm cung cấp ống, vòi, khóa... cần thiết tới điểm cung cấp nước do nhà thầu xây dựng thiết lập tại mỗi tầng. Chi phí sử dụng nước do Nhà thầu và Nhà thầu xây dựng tự thỏa thuận đơn giá, hằng tháng chi phí này sẽ được nhà thầu thanh toán thẳng cho nhà thầu xây dựng...

- + Nhà thầu xây dựng chịu trách nhiệm vận chuyển tất cả rác, chất thải rắn từ các điểm thu thập được quy định tại mỗi tầng và vệ sinh tổng quan công trường, bao gồm luôn công tác vận chuyển hàng ngày và lần cuối cùng trước khi ra khỏi công trường.
- + Nhà thầu xây dựng sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển đất, rác thải đổ đi và giữ cho công trường luôn vệ sinh và sạch sẽ.
- + Nhà thầu xây dựng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn công tác thi công toà nhà sao cho các công tác đang được thi công của Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp sẽ không bị hư hại bởi các công tác xây dựng của nhà thầu xây dựng.
- + Nhà thầu xây dựng sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ, che đậy đối với các hạng mục công việc của Nhà thầu và nhà thầu trực tiếp khác khi mà các hạng mục này đã hoàn toàn cấu thành vào trong phạm vi thi công/đối tượng thi công của Nhà thầu xây dựng.
- + Nhà thầu xây dựng sẽ chịu trách nhiệm về mọi thông tin trắc đạc và triển khai bao gồm việc cung cấp các kích thước cần thiết và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đó.
- + Việc xác định mọi yếu tố đặc biệt liên quan tới công việc của Nhà thầu và các nhà thầu trực tiếp khác về mặt kích cỡ, vị trí đưa vào, các khuôn, lỗ, các cấu kiện đúc sẵn và các hạng mục tương tự mà cần được tạo và đặt trong kết cấu bởi Nhà thầu xây dựng.
- + Nhà thầu xây dựng chịu trách nhiệm cho việc gia cường thép cho các lỗ xuyên sàn, dầm, tường chịu lực.
- + Chịu trách nhiệm sửa chữa khi hoàn thành mọi công việc bị xáo trộn do việc tháo bỏ các tiện ích kể trên bởi nhà thầu xây dựng.
- Trách nhiệm của Nhà thầu:
 - + Tự bốc dỡ, chuyển đến, lưu kho và mọi công tác vận chuyển và nâng hạ vật tư, thiết bị, công cụ... tới vị trí thuận tiện cho việc nâng, kéo lên bởi Nhà thầu xây dựng. Khi vật tư, thiết bị, công cụ... đã được đưa lên tới cao độ gần nhất có thể đối với các thiết bị nâng hạ của Nhà thầu xây dựng, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm nâng và đưa tiếp tới vị trí yêu cầu sử dụng các phương tiện của

chính mình.

- + Cung cấp, lắp đặt, duy trì và tháo dỡ mọi văn phòng, kho/bãi và công trình tạm cho công việc của chính mình.
- + Tự kết nối với các nguồn điện tạm thời cung cấp bởi Nhà thầu xây dựng (sau khi các bên đã thỏa thuận). Nhà thầu tự cung cấp và dẫn cáp điện tới vị trí của thiết bị điện sử dụng để thi công công việc.
- + Tự kết nối với các nguồn nước được cung cấp bởi Nhà thầu xây dựng (sau khi đã thỏa thuận). Nhà thầu tự cung cấp ống dẫn nước tới vị trí cần sử dụng nước để thi công công việc.
- + Tự trang bị máy móc để thi công công việc của mình.
- + Tự cung cấp, dựng và tháo gỡ các giàn giáo đặc biệt, thiết bị nâng hạ, cầu vượt quá, những thiết bị được cung cấp sẵn và/hoặc tới các khu vực không bố trí được bởi Nhà thầu xây dựng bao gồm luôn việc thay đổi và điều chỉnh theo thời gian khi cần thiết.
- + Tự ý thức và tập trung mọi rác thải, chất thải rắn... tại vị trí tập kết tại mỗi tầng như chỉ dẫn của Nhà thầu xây dựng.
- + Chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi mất mát hay hỏng hóc cho bất kể vật tư hoặc hàng hóa tại công trường cho công việc của các gói thầu cho đến khi các vật tư và hàng hóa đó đã được đưa toàn bộ, hoàn toàn và đúng đắn vào phạm vi và đối tượng thi công của Nhà thầu xây dựng. Nhà thầu phải trao đổi với Nhà thầu xây dựng và thống nhất, thỏa thuận với nhau về việc đưa các vật tư và hàng hóa của Nhà thầu vào phạm vi thi công/đối tượng thi công của Nhà thầu.
- + Chịu trách nhiệm hoàn toàn cho mọi mất mát hay hỏng hóc về thiết bị, máy móc, công cụ và các tài sản khác của mình trên công trường.
- + Nhà thầu tự bảo vệ và che chắn các công việc cho tới khi công việc đó đã được hoàn thành đúng đắn và cấu thành vào trong phạm vi/đối tượng thi công của Nhà thầu xây dựng.
- + Nhà thầu sẽ tự thi công cắt, đục tường/sàn cho việc đặt ống, nối ống,... thuộc phạm vi công việc của nhà thầu, tuân thủ bản vẽ thi công, bản vẽ phối hợp đã được duyệt bởi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư và chịu trách nhiệm cho việc sửa chữa dặm vá sau khi các công việc đi ống, nối ống... và những công việc có tính chất tương tự khác đã hoàn tất.
- + Nhà thầu sẽ tự cắt và tạo hình các lỗ... cho công tác đi ống gió, ống cáp, ống nước, đường cáp, thang máng cáp, các ống xuyên tường/sàn/trần thuộc phạm vi công việc của nhà thầu, tuân thủ bản vẽ thi công, bản vẽ phối hợp đã được Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư phê duyệt.

- + Nhà thầu tự chịu trách nhiệm cho việc cắt lỗ trần để lắp đặt đèn (nếu có), đầu báo khói, báo cháy, đầu phun nước và những thứ tương tự khác cho các công việc của mình.
- + Nhà thầu tự triển khai và đánh dấu trên công trường trong khi thi công công việc và khi được yêu cầu bởi Nhà thầu xây dựng, các vị trí của chi tiết chờ, chi tiết góc, bản, bu lông, măng sông, ống, hộp, ray dẫn, thiết bị, tường ngăn, ốp, các hệ thống treo và chi tiết tương tự cho việc gắn, đặt, tạo vào kết cấu và/hoặc hàn/lắp (trong trường hợp kết cấu khung thép). Mọi trách nhiệm cho sai sót trong việc định vị và các chi phí liên quan để sửa sang các sai sót đó sẽ do Nhà thầu tự chịu.
- + Nhà thầu tự cung cấp và lắp đặt các chi tiết neo chờ, bu lông, ống chờ... và những thứ tương tự theo đúng tiến độ đã đề ra để Nhà thầu xây dựng có thể đổ bê tông theo đúng kế hoạch.
- + Chịu trách nhiệm tạo các lỗ chờ của hồ ga, mương cáp, đường ống và những thứ tương tự là của Nhà thầu cho các công việc của mình.
- + Cung cấp và làm đầy giữa sleeve chờ và ống nước, ống gió, mương cáp và những thứ tương tự bằng các chất trám chống cháy và/hoặc không chống cháy như theo chỉ định trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Hồ sơ thiết kế, tiêu chuẩn quy chuẩn áp dụng.
- + Trong trường hợp Nhà thầu xây dựng đã yêu cầu Nhà thầu cung cấp các thông tin về kích cỡ và vị trí của lỗ, lõm, chỗ mở... được tạo trên sàn, tường và các phần khác của kết cấu và thực hiện các công việc có liên quan về mặt tiến độ chung như lắp đặt ống, dây dẫn âm tường, trên vách, trên trần trước khi đóng vách, trần... mà Nhà thầu không cung cấp được các thông tin trên một cách đầy đủ và chính xác trong thời hạn cần thiết để Nhà thầu xây dựng có thể đặt lỗ chờ hoặc những thứ tương tự cho những hạng mục đó trong thi công, Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm với Nhà thầu xây dựng về các chi phí cắt và sửa sang các lỗ, lõm, chỗ mở... nếu được yêu cầu.
- + Trong trường hợp Nhà thầu chậm trễ trong việc thực hiện các công việc có liên quan về mặt tiến độ chung như lắp đặt ống, dây dẫn, sleeve chờ mà sự chậm trễ này có thể kéo theo việc trễ tiến độ của Nhà thầu xây dựng nếu chờ Nhà thầu, Nhà thầu xây dựng có quyền đề xuất và xin ý kiến Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư triển khai công việc của mình mà không cần phải đợi và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Nhà thầu xây dựng cho việc mở vách, tháo trần hoặc tương tự cũng như là phục hồi và sửa chữa sau đó, chi phí của tất cả các việc này sẽ do Nhà thầu chịu.

1.2.3.16. Giấy phép:

Bên cạnh các giấy phép do Chủ đầu tư cung cấp có liên quan đến việc triển khai dự án, Nhà thầu phải có được tất cả các giấy phép cần thiết do các cơ quan có thẩm quyền cấp

để được phép thi công liên quan đến phạm vi công việc mà Nhà thầu thực hiện theo yêu cầu của gói thầu. Nhà thầu phải thanh toán mọi chi phí và thuế, phí có liên quan. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cho việc kiểm tra định kỳ của các cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết trong quá trình thi công.

1.2.3.17. Bảo hiểm:

- Chủ đầu tư đã thu xếp và tự mua Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng. Nhà thầu thi công phải có trách nhiệm mua bảo hiểm cho người lao động, thiết bị thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.
- Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm và chi phí bảo hiểm cho việc gia hạn thời hạn bảo hiểm trong trường hợp nhà thầu không hoàn tất công trình trước thời gian hoàn tất hoặc thời gian hoàn tất kéo dài theo quy định tại các điều khoản của hợp đồng.

1.3.1. Yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ:

1.3.1.1. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Nhà thầu tuân thủ các quy định về an toàn lao động cho người và thiết bị đối với từng nội dung công việc trong suốt quá trình thi công, lắp đặt.
- Nhà thầu tuân thủ các quy định về an toàn lao động cho người và thiết bị đối với từng nội dung công việc trong suốt quá trình thi công, lắp đặt.
- Tất cả nhân viên của Nhà thầu phải được tập huấn về công tác an toàn lao động, phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, phải được kiểm tra và khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Mọi nhân viên của Nhà thầu phải tự ý thức và lưu ý thực hiện các yêu cầu về các biện pháp an toàn lao động, tránh gây thiệt hại cho người và vật liệu, thiết bị.
- Nhà thầu phải tổ chức hướng dẫn cách sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động đó cho nhân viên của mình và của nhà thầu phụ.
- Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm đối với người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Nhà thầu phải tuân thủ quy định về an toàn lao động theo tiêu chuẩn TCVN 5308 : 1991 - “Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng”, Quy chuẩn QCVN 01-2020/BCT - “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện” và các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn lao động khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Nhà thầu tuyệt đối tuân thủ các quy tắc và quy định của cơ quan chức năng liên quan đến các điều kiện an toàn.
- Người không có trách nhiệm tuyệt đối không được vào công trường. Chỉ huy trưởng (hoặc nhân sự được giao phụ trách) và nhân viên bảo vệ có trách nhiệm quản lý việc ra vào của cán bộ nhân viên.

- Nhà thầu phải lắp đặt đầy đủ hàng rào bảo vệ, biển báo thi công và bố trí đèn cảnh báo và che chắn trong suốt quá trình thi công tại công trường.
- Nhà thầu có ý định sử dụng bất kỳ loại vật liệu nguy hiểm hay phương thức thi công đặc biệt nào, hoặc thi công các cấu kiện, kết cấu đặc biệt có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn thì trước hết Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và thực thi các biện pháp phòng ngừa cần thiết để đảm bảo an toàn cho con người và môi trường.
- Nhà thầu phải chắc chắn rằng các thiết bị đã được lắp đặt hoàn chỉnh và các thiết bị cần thiết cho việc thi công công việc phải đang trong trạng thái phù hợp và được bảo dưỡng đầy đủ. Các công việc sửa chữa chỉ có thể được thực hiện khi thiết bị/máy móc đã dừng hẳn và ngắt điện.
- Giám sát viên của Nhà thầu chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày và nếu cần đưa ra các biện pháp sửa chữa kịp thời.
- Những hố, mương đào sâu phải tuân thủ đúng kỹ thuật, có giải pháp chống đỡ, giữ thành vách đào bảo đảm vững chắc, tránh sạt lở đất, sập các công trình kế cận gây nguy hiểm đến tính mạng con người. Nhà thầu phải bảo vệ các khu vực hố, mương đào bằng rào chắn bảo vệ và đèn cảnh báo, đặc biệt lưu ý các hố, mương đào gần đường giao thông trên công trường.
- Mọi hư hỏng, lún sập các công trình kế cận, nguy hiểm đến tính mạng con người do thi công gây ra, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm kể cả chi phí khắc phục, bồi hoàn sự cố.
- Những khu vực nguy hiểm do vật có thể rơi từ trên cao xuống phải được rào chắn và đặt biển cảnh báo.
- Cấm vận chuyển vật liệu trên miệng mương, hố đào khi đang có người làm việc ở bên dưới nếu như không có các biện pháp đảm bảo an toàn.
- Các dây dẫn điện của các thiết bị điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện và mắc ở độ cao đảm bảo an toàn và di chuyển của các phương tiện, đồng thời thuận tiện cho việc thao tác.
- Toàn bộ mạng điện trên công trường (đường dây điện, cầu dao, ổ cắm,...) phải đảm bảo tuyệt đối an toàn, thuận tiện cho người sử dụng. Các thiết bị điện phải có các cơ cấu che chắn và ký hiệu cảnh báo an toàn điện.
- Đường tạm phải đảm bảo cho các phương tiện, máy móc, thiết bị và dụng cụ thi công vận hành, di chuyển được tốt trên công trường.
- Rào chắn tạm thời để ngăn cách phần thiết bị có điện với nơi làm việc phải làm bằng vật liệu khô và chắc chắn như tre, gỗ, nhựa, tấm vật liệu cách điện...
- Rào chắn tạm thời phải được bố trí sao cho khi phát hiện nguy hiểm người làm việc có thể dễ dàng thoát hiểm.

- Có sơ đồ hệ thống điện thi công, điện chiếu sáng cho từng khu vực thi công phù hợp với tổng mặt bằng bố trí điện trên công trường. Phải đảm bảo ánh sáng đầy đủ tại vị trí làm việc và trên tuyến đường thi công vào ban đêm.
- Người lao động làm việc trên cao phải đeo đai an toàn và trang bị túi đựng dụng cụ, đồ nghề. Cấm vứt, ném các dụng cụ, đồ nghề từ trên cao xuống.
- Cấm uống rượu, sử dụng chất kích thích trước và trong quá trình làm việc.
- Tuyệt đối không thi công khi không đủ ánh sáng, trong điều kiện thời tiết mưa to, giông bão.
- Sau mỗi đợt mưa bão hoặc ngừng thi công nhiều ngày liền, Nhà thầu phải kiểm tra lại các điều kiện an toàn trước khi thi công tiếp, nhất là những nơi nguy hiểm có khả năng xảy ra tai nạn.

1.3.1.2. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Trong suốt quá trình thi công, nhà thầu phải giữ gìn khu vực làm việc sạch sẽ và bảo trì toàn công trường hàng ngày bao gồm tất cả các khu vực công cộng.
- Nhà thầu phải thường xuyên quán triệt, chia sẻ ý nghĩa, nội dung của việc giữ gìn, bảo vệ môi trường trong khu vực thi công đối với toàn thể cán bộ, công nhân viên tham gia thi công công trình.
- Nhà thầu phải giữ gìn khô ráo những hố đào hay những nơi nước có thể ứ đọng để tránh muỗi có thể sinh sôi nảy nở.
- Nhà thầu phải hạn chế việc vứt bỏ rác hay ứ đọng rác, các vật liệu hư hỏng hay không sử dụng được nữa và các loại chai, lon hoặc bình chứa chất lỏng trong khu vực công trường. Nhà thầu không được để rác chất đống trên công trường và phải luôn luôn dọn dẹp sạch sẽ và gọn gàng công trường khi hoàn thành công việc mỗi ngày. Việc này là bắt buộc và nó được quy định bởi Chủ đầu tư để duy trì sự an toàn và gọn gàng trên công trường.
- Tuyệt đối không được chôn hoặc đốt rác thải tại công trường. Không được thải chất tẩy rửa vào hệ thống thoát nước.
- Cố gắng tối đa việc hạn chế các tiếng ồn của các phương tiện cơ giới để đảm bảo sinh hoạt chung của các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị xung quanh. Các máy móc, thiết bị cơ giới phải được tập kết đúng nơi quy định, các loại dầu mỡ thải phải có biện pháp xử lý.
- Phải thu gom, đóng gói cẩn thận và loại bỏ tuân thủ quy định và các yêu cầu của chính quyền địa phương về thu gom di dời rác thải thi công của công trường.
- Tất cả các xe chở vật tư, vật liệu rời, chất thải ra vào công trình phải có bạt che phủ kín thùng xe. Nhà thầu phải xử lý bụi bẩn ô nhiễm công trường bằng việc thường xuyên tưới ẩm các khu vực.

- Xử lý nước tràn nhanh gọn, sạch sẽ. Bố trí các máy bơm tụt trực để bơm thoát nước tránh gây ngập, tụ nước trong thời gian thi công.
- Làm sạch và bảo dưỡng những công tác xây dựng đã hoàn thành theo chu kỳ cần thiết suốt thời gian còn lại của công tác thi công. Thi công xong đoạn nào, khu vực nào, phải tổ chức vệ sinh sạch sẽ đoạn, khu vực đó và trả lại hiện trạng như cũ.
- Nhà thầu phải đảm bảo việc vệ sinh, dọn dẹp tất cả các hạng mục công việc trước khi nghiệm thu và bàn giao sau cùng cho Chủ đầu tư.

1.3.1.3. Yêu cầu về phòng chống cháy nổ:

- Nhà thầu phải áp dụng các biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại công trường cho các công trình tạm và tại khu vực văn phòng, kho chứa và các khu vực khác có liên quan, đặc biệt đối với việc bảo quản an toàn cháy đối với các nguyên vật liệu như xăng, dầu, mỡ... và tất cả hàng hoá nguy hiểm hoặc dễ cháy nổ.
- Các nguyên liệu lỏng và dễ cháy (xăng, dầu, mỡ, ...) phải bảo quản trong kho riêng theo đúng các quy định phòng chống cháy hiện hành.
- Nhà thầu phải tuân thủ đầy đủ các quy tắc, quy định và yêu cầu của chính quyền, cơ quan chức năng về phòng cháy chữa cháy; đồng thời cung cấp và duy trì sự ổn định và đảm bảo đầy đủ trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy cùng với lực lượng cán bộ được đào tạo cho công tác phòng cháy chữa cháy.
- Toàn bộ cán bộ công nhân trên công trường phải tích cực đề phòng không để sự cố cháy xảy ra, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện để khi cần chữa cháy kịp thời và có hiệu quả.
- Nhà thầu phải bố trí các bình cứu hỏa tại văn phòng công trường, trên hoặc cận khu vực làm việc của thiết bị máy móc, trong kho chứa và các nơi có nguy cơ cháy nổ cao.
- Khu vực thi công trên công trường bố trí các nội quy và các biển báo cấm lửa, cấm mang chất nổ vào công trường...
- Phải thận trọng trong việc sử dụng lửa, các nguồn nhiệt, hoá chất và các chất dễ cháy nổ, độc hại, phóng xạ, triệt để tuân thủ theo các quy định về phòng cháy chữa cháy. Việc sử dụng lửa chỉ được phép của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát trong các khu vực đặc biệt. Với các công việc yêu cầu dùng lửa lộ thiên, Nhà thầu phải thực thi các biện pháp phòng ngừa cần thiết.
- Cấm câu mắc, sử dụng điện tùy tiện, sau giờ làm việc phải kiểm tra lại các thiết bị tiêu thụ điện. Chú ý đến đèn, quạt điện... trước khi ra về.
- Không để hàng hoá, vật tư, vật liệu, sản phẩm áp sát vào thân đèn, dây cáp điện. Phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về kỹ thuật an toàn trong sử dụng điện. Vật tư, hàng hoá phải sắp xếp gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ, kiểm tra và cứu chữa khi cần thiết.

- Các hệ thống điện phải có các cơ cấu bao che, tránh tình trạng hở điện.
- Khi giao nhận hàng hóa, phương tiện vận chuyển không được nổ máy trong kho, nơi chứa nhiều chất dễ cháy và khi đậu phải hướng xe ra ngoài.
- Trên các lối đi lại, nhất là ở các lối thoát hiểm không để chướng ngại vật.
- Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm trong việc đảm bảo phòng cháy chữa cháy xuyên suốt toàn bộ quá trình thi công.

Mục 2. Bản vẽ

Bao gồm các Bản vẽ đính kèm theo E-HSMT.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại; 1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...; 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT; 1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm

	cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm

	phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.
6. Ký hợp đồng thầu phụ	6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của Nhà thầu trong thực hiện Hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Nhà thầu. 6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.
7. Giải quyết tranh chấp	7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.
8. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.
9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT .

liệu chứng từ	
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	11.1. Loại hợp đồng: Theo quy định tại E-ĐKCT. 11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
12. Thuế, phí, lệ phí	12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư. 12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.
13. Tạm ứng	13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. 13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
14. Thanh toán	14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng. 14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. 14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.
15. Quyền tác giả	15.1. Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó. 15.2. Quyền khác theo quy định tại E-ĐKC.

16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt Hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo Hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến Hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. 16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký Hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. 16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt Hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
18. Đóng gói hàng hoá	18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong Hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc

	chấn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án. 18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong Hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.
19. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT.
20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT. 20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại E-ĐKCT: a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa; c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. 20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài Hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các Hợp đồng khác.
21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra. 21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại E-ĐKCT. Theo quy định tại Mục 21.3 E-ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu

	hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này. 21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 E-ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú. 21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này. 21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài Hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo Hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng. 21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra. 21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo Hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo Hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 E-ĐKC. 21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 E-ĐKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.
22. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.

23. Bảo hành	23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. 23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam. 23.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT. 23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó. 23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế. 23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo Hợp đồng.
24. Bồi thường vi phạm sáng chế	24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký Hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới: a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam; b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa. Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong Hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ Hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng. 24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư

	liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan. 24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết. 24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh. 24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký Hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.
25. Thay đổi liên quan đến pháp lý	Trừ trường hợp có quy định khác tại Hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của Nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 E-ĐKC.
26. Bất khả kháng	26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các

	nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 26.3. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
27. Sửa đổi hợp đồng	27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của Hợp đồng: a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; c) Thay đổi địa điểm giao hàng; d) Thay đổi dịch vụ liên quan; đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC. 27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của Hợp đồng quy định tại Mục 27.1 E-ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi Hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu

	nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của Hợp đồng. 27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT và đáp ứng yêu cầu E-HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của Hợp đồng không thay đổi. 27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong Hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường. 27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi Hợp đồng. 27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo Hợp đồng đã ký kết; b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu; c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa: a) Rút ngắn thời gian giao hàng; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong Hợp đồng; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại E-ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
--	--

28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn Hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng. 28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 E-ĐKC.
29. Chấm dứt hợp đồng	29.1. Chấm dứt Hợp đồng do sai phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm Hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo Hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng; (iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng. b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt. 29.2. Chấm dứt Hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, Hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt Hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
30. Hạn chế	Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các

xuất khẩu	quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng với Nhà thầu.
------------------	--

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN Địa chỉ: Lô 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Lô Vb.21b-23-25, Đường 22A, Khu công nghiệp thuộc Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: - E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, làm rõ E-HSMT. - E-HSDT và các tài liệu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Nhà thầu. - Biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng. - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. - Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. - Các Phụ lục Hợp đồng. - Các bảo lãnh: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh tạm ứng, Bảo lãnh bảo hành. - Bản vẽ thi công, Chỉ dẫn kỹ thuật. - Các tài liệu liên quan khác phục vụ triển khai thi công, nghiệm thu, thanh - quyết toán công trình.
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Nguyễn Ngọc Minh Thư - Ban Xây dựng; - Địa chỉ: Tòa nhà FPT Tân Thuận 2 - Lô 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh; - Điện thoại: 077.883.1297; - Địa chỉ email: ThuNNM4@fpt.com.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% Giá trị Hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng có hiệu lực cho đến khi hoàn thành nghiệm thu Công trình và bàn giao đưa vào sử dụng, Nhà thầu chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành cộng thêm 30 ngày (tạm tính là 210 ngày kể từ ngày phát hành). Trường hợp Nhà thầu chưa hoàn thành nghiệm thu Công trình

	và bàn giao đưa vào sử dụng, thì vào thời điểm 10 ngày trước ngày thư bảo lãnh hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tương ứng với thời gian dự kiến hoàn thành (mỗi lần gia hạn không ít hơn 30 ngày). Trường hợp Nhà thầu chưa gia hạn, Chủ đầu tư được quyền tạm ngừng thanh toán cho đến khi Nhà thầu gia hạn hoặc yêu cầu Ngân hàng chi trả toàn bộ giá trị bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Nhà thầu sẽ không được hoàn trả Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực; (ii) Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện Hợp đồng đã thỏa thuận trong Hợp đồng; (iii) Nhà thầu thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (trường hợp này, ngoài việc Nhà thầu không được nhận lại bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu còn bị phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Mục 22 E-ĐKC). Chủ đầu tư sẽ có văn bản yêu cầu Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng chi trả một phần hoặc toàn bộ số tiền trong chứng thư bảo lãnh mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: ____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i>.
E-ĐKC 7.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày; - Giải quyết tranh chấp: Mọi mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng phải được giải quyết trước hết bằng trao đổi, thương lượng trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Nếu các Bên không thương lượng được, thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày không thể thương lượng được, một trong các Bên được khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền tại TP. Hồ Chí Minh. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.
E-ĐKC 9	Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Được quy định chi tiết tại Mục 1.2.1. Yêu cầu chung của hàng hóa thuộc gói thầu, Mục 1.2.
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế giá trị gia tăng có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong Hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế giá trị gia tăng phát sinh, thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong Hợp đồng.
E-ĐKC 13.1	Tạm ứng: Đợt 01: Tạm ứng Trong vòng 15 ngày kể từ ngày các bên ký kết Hợp đồng này và Chủ đầu tư đã nhận được đầy đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ từ Nhà thầu, thì Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20% Giá trị Hợp đồng (không bao gồm VAT). Hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ gồm 06 bộ với đầy đủ các văn bản, tài liệu sau: (i) Giấy đề nghị thanh toán được đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu ký, đóng dấu. (ii) Bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng giá trị tạm ứng (chưa bao gồm thuế Giá trị Gia tăng). (iii) Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng 20% Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế Giá trị Gia tăng). (iv) Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại Điều 10 Hợp đồng. (v) Bảng tổng tiến độ thi công chi tiết được Chủ đầu tư phê duyệt. (vi) Biên bản xác nhận hồ sơ thanh toán đã đầy đủ và hợp lệ được hai Bên ký.
E-ĐKC 14.2	Phương thức thanh toán: - Đợt 02: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành việc vận chuyển toàn bộ hàng hóa đến địa điểm lắp đặt và Chủ đầu tư đã nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ, thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 60% Giá trị Hợp đồng (đã khấu trừ giá trị tạm ứng). Hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ gồm 06 bộ với đầy đủ các văn bản, tài liệu sau: (i) Thư bảo lãnh còn hiệu lực; (ii) Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng còn hiệu lực. (iii) Bảo hiểm còn hiệu lực; (iv) Giấy đề nghị thanh toán được đại diện có thẩm quyền của Nhà

	thầu ký, đóng dấu. (v) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán theo mẫu của Chủ đầu tư. (vi) Bảng xác nhận giá trị, khối lượng công việc đã hoàn thành phù hợp theo Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát xác nhận. (vii) Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ. (viii) Biên bản xác nhận Hàng hóa đã được Nhà thầu vận chuyển đến địa điểm lắp đặt được đại diện hợp pháp của Hai Bên xác nhận. (ix) Hồ sơ Hàng hóa được quy định tại Hợp Đồng. (x) Biên bản xác nhận Hồ sơ thanh toán đã đầy đủ và hợp lệ được hai Bên ký. - Đợt 03: Quyết toán Hợp Đồng Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn tất toàn bộ các công việc theo Hợp đồng (kể cả các phát sinh nếu có) và Công trình được nghiệm thu, đưa vào sử dụng, và Nhà thầu đã chuyển sang nghĩa vụ bảo hành, thì Nhà thầu có trách nhiệm tập hợp Hồ sơ Quyết toán gửi Chủ đầu tư. Nếu quá 30 ngày mà không có lý do, Chủ đầu tư sẽ đơn phương quyết toán và Nhà thầu phải chấp nhận số liệu quyết toán của Chủ đầu tư. Giá trị Quyết toán là Giá trị theo Hợp đồng đã ký cộng với phát sinh tăng (nếu có) và/hoặc trừ đi khối lượng, phạm vi công việc bị cắt giảm (nếu có). Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 100% Giá trị Quyết toán cho Nhà thầu trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đầy đủ Hồ sơ đề nghị quyết toán hợp lệ của Nhà thầu. Hồ sơ đề nghị quyết toán hợp lệ gồm 06 bộ với đầy đủ các văn bản, tài liệu sau: (i) Giấy đề nghị thanh toán được đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu ký, đóng dấu. (ii) Bảng nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành phù hợp theo Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng được Chủ đầu tư xác nhận. (iii) Bảng nghiệm thu khối lượng, nội dung công việc phát sinh tăng/giảm do yêu cầu thay đổi của Chủ đầu tư (nếu có). (iv) Bảng tính Giá trị Quyết toán Hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu.
--	---

	(v) Hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ tương ứng với Giá trị Quyết toán chưa được xuất hóa đơn. (vi) Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% Giá trị Quyết toán của Hợp đồng. (vii) Hồ sơ nghiệm thu được quy định tại Hợp đồng. (viii) Biên bản nghiệm thu hoàn thành Công trình và bàn giao đưa vào sử dụng do đại diện có thẩm quyền của các Bên xác nhận (bao gồm Chủ đầu tư, Nhà thầu, Đơn vị Tư vấn giám sát, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)). (ix) Biên bản xác nhận hồ sơ đề nghị quyết toán đã đầy đủ và hợp lệ được đại diện có thẩm quyền của Hai Bên ký, đóng dấu. Trường hợp, Nhà thầu không cung cấp C/O, C/Q hợp lệ theo đúng quy định của Hợp đồng và E-HSMT, thì Nhà thầu phải giảm giá tối thiểu 30% Giá trị Hợp đồng và số tiền này được Chủ đầu tư khấu trừ vào đợt thanh toán gần nhất. Hai Bên thống nhất và hiểu rằng việc giảm giá này không phải là phạt vi phạm Hợp đồng. Nếu Nhà thầu vi phạm các quy định khác của Hợp đồng, thì Nhà thầu vẫn bị phạt vi phạm Hợp đồng và phải chịu thêm mức phạt vi phạm được quy định tại Điều 15 Hợp đồng.
E-ĐKC 15.2	Quyền: Không áp dụng.
E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: - Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa và bảo quản hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn của hàng hóa và phù hợp với phương tiện vận chuyển để vận chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao hàng đã quy định. Việc đóng gói đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ, trong khi vận chuyển và tránh các tác động khác của môi trường. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc đóng gói hàng hóa, vận chuyển hàng hóa do nhà thầu chịu trách nhiệm và chi trả. - Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề thất lạc, hư hỏng hàng hóa.
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: - Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm cho toàn bộ hàng hóa cung cấp trong Hợp đồng. Bảo hiểm đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như phù hợp với điều kiện thương mại được áp dụng. - Nhà thầu phải mua bảo hiểm thuộc trách nhiệm của mình gồm bảo hiểm vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công (nếu cần thiết), bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm đối với bên thứ ba và các chi phí bảo hiểm khác theo quy định Pháp luật hiện hành là bắt buộc đối

	với nhà thầu để bảo hiểm đầy đủ cho các nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của mình như được nêu trong Hợp đồng và để đáp ứng bất cứ yêu cầu nào của Chính quyền hoặc của cơ quan chức năng khác. Nhà thầu phải chịu toàn bộ bảo hiểm hàng hóa cho đến khi được nghiệm thu bàn giao cho Chủ đầu tư.
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo Hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa và bàn giao đến địa điểm dự án cho Chủ đầu tư theo thời gian Nhà thầu thông báo và đã được các Bên thống nhất. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và tập kết tại vị trí kho bãi (hoặc lưu kho của Chủ đầu tư) theo quy định trong Hợp đồng và do Nhà thầu thực hiện. Nhà thầu phải đảm bảo chất lượng, cũng như hình thức của hàng hóa, đảm bảo hàng hóa nguyên vẹn, thẩm mỹ trong quá trình vận chuyển. Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động cho người, hàng hóa trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ hàng hóa cho đến khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao cho Chủ đầu tư. Toàn bộ các chi phí liên quan do nhà thầu chịu và được tính trong giá hợp đồng.
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: Theo yêu cầu của E-HSMT và được quy định cụ thể trong Hợp đồng.
E-ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Trong vòng 03 ngày, kể từ ngày hàng hóa được vận chuyển đến công trình, đại diện các Bên (Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát của Chủ đầu tư và Nhà thầu) sẽ tiến hành kiểm tra về số lượng, chủng loại, tình trạng hàng hóa và lập các biên bản kiểm tra giao nhận chi tiết. Các biên bản kiểm tra giao nhận hàng hóa tại công trình sẽ là cơ sở để Chủ đầu tư thanh toán Hợp đồng cũng như để khiếu nại Nhà thầu nếu có thiệt hại hay hàng hóa không đúng yêu cầu. Thí nghiệm, thử nghiệm kiểm tra: Vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền thuê một pháp nhân độc lập, có đầy đủ chức năng và năng lực và thẩm quyền để tiến hành các thí nghiệm, thử nghiệm kiểm tra xác suất mẫu các loại hàng hoá theo các thông số kỹ thuật mà Nhà thầu đã mô tả/đã cam kết trong E-HSMT của mình. Căn cứ vào kết quả thử nghiệm, thí nghiệm kiểm tra này, Chủ đầu tư sẽ đưa ra những quyết định công bằng và phù hợp với quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên như sau: - Trường hợp kết quả thử nghiệm, thí nghiệm kiểm tra cho thấy các thông số kỹ thuật của hàng hoá đáp ứng đầy đủ hoặc với thông số tốt hơn các thông số kỹ thuật đã nêu trong Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ chịu

	toàn bộ chi phí liên quan đến việc thử nghiệm, thí nghiệm kiểm tra này. - Trường hợp kết quả thí nghiệm kiểm tra cho thấy bất kỳ thông số kỹ thuật của hàng hóa không đáp ứng các thông số kỹ thuật yêu cầu, Chủ đầu tư có quyền từ chối toàn bộ lô hàng, thông báo trả hàng, tịch thu bảo đảm thực hiện Hợp đồng và tiến hành thanh lý Hợp đồng. Đồng thời, Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc thử nghiệm, thí nghiệm kiểm tra đã thực hiện. Ngoài ra, Chủ đầu tư có quyền xem xét không cho phép Nhà thầu tham gia các gói thầu do Chủ đầu tư tổ chức trong các đợt đấu thầu tiếp theo.
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Tại địa điểm do Chủ đầu tư và Nhà thầu thống nhất.
E-ĐKC 22	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. - Trường hợp Nhà thầu vi phạm tiến độ thực hiện Hợp đồng thì Nhà thầu bị phạt 0,1% Giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ trong 05 ngày đầu tiên; phạt 0,2% Giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ trong 05 ngày tiếp theo; phạt 0,5% Giá trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ tiếp theo. Trong trường hợp Nhà thầu chậm tiến độ quá 10 ngày, Chủ đầu tư có quyền xem xét chấm dứt Hợp đồng, đồng thời, Nhà thầu vẫn phải chịu phạt vi phạm tương ứng với thời gian chậm tiến độ. Mọi chi phí từ việc chấm dứt Hợp Đồng do Nhà thầu chịu. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu có nghĩa vụ cung cấp tài liệu cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tiến hành công tác nghiệm thu PCCC cho toàn bộ công trình. Nếu Nhà thầu không cung cấp hoặc không cung cấp đầy đủ, làm ảnh hưởng đến công tác nghiệm thu PCCC của Chủ đầu tư, thì Chủ đầu tư có quyền phạt vi phạm 12% Giá trị Hợp đồng, tịch thu các bảo lãnh của Nhà thầu và các khoản tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu. - Trường hợp Nhà thầu không đảm bảo chất lượng Hàng hóa, Công trình theo quy định Hợp đồng, thì Nhà thầu bằng chi phí của mình phải khắc phục, bổ sung, thay thế trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ ngừng thanh toán tiền cho Nhà thầu cho đến khi nào Nhà thầu khắc phục, bổ sung, thay thế xong đạt chất lượng như thỏa thuận trong Hợp đồng. Nếu Nhà thầu không khắc phục, bổ sung, thay thế trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư thông báo, thì Chủ đầu tư được quyền tự mình hoặc thuê đơn vị khác thực hiện. Mọi chi phí và các thiệt hại phát sinh khác (nếu có) sẽ do Nhà thầu chịu. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Ngân hàng

	chi trả các khoản bảo lãnh, hoặc Chủ đầu tư có quyền yêu cầu và Nhà thầu có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu. Ngoài ra, trong trường hợp này, Chủ đầu tư có quyền phạt vi phạm bằng 12% Giá trị Hợp đồng. - Trường hợp Nhà thầu vi phạm một hoặc các quy định khác của Hợp đồng, thì phải chịu phạt vi phạm bằng 12% Giá trị Hợp đồng. - Việc bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm không giải phóng quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp Đồng này. - Ngoài các khoản phạt tại Điều này, các Bên còn thống nhất mức phạt vi phạm thi công tại công trường cho Nhà thầu được quy định tại Phụ lục 04 đính kèm Hợp đồng. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại, tổn thất thực tế, trực tiếp mà Chủ đầu tư phải chịu do Nhà thầu gây ra và khoản lợi trực tiếp mà Chủ đầu tư đáng lẽ được thụ hưởng nếu không có hành vi vi phạm của Nhà thầu.
E-ĐKC 23.3	Thời hạn bảo hành là: Tối thiểu 24 tháng, kể từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng chính chức. Nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 05% Giá trị Quyết toán Hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành được thể hiện dưới hình thức thư bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nơi mà Nhà thầu mở tài khoản phát hành. Tất cả chi phí phát sinh và duy trì bảo lãnh bảo hành do Nhà thầu chịu. Mẫu Thư bảo lãnh bảo hành phải được Hai Bên thống nhất trước khi phát hành. Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Được quy định cụ thể tại Mục E-ĐKC 1.11.
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Trong vòng 24 giờ, kể từ khi Chủ đầu tư thông báo đến Nhà thầu thông qua số Hotline/Email mà nhà thầu cung cấp.
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá Hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá hợp đồng là ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là ____ *[ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*;
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ *[ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...]*;
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm⁽²⁾ ____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

Gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy
Dự án: “Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower”

- (1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.
- (2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.
- (3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG

(Dự thảo hợp đồng đính kèm E-HSMT)

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

- (1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

- (2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
- (3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.
- (2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
- (3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____ *[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho ____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[ghi tên nhà thầu]*. ____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.
- (2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.